

DUY-MA KINH LƯỢC SỚ THUY DỤ KÝ

QUYỂN 2

Xét về Hóa chủ đầu tiên nói ý đến, chín mươi sáu thứ là chuẩn theo chín mươi sáu đạo kinh. Kinh ấy hai quyển nói rõ về các tướng trạng, trong đó một đạo là chánh tức Phật đạo còn chín mươi lăm đạo kia đều tà. Hoa Nghiêm Đại luận nói cả chín mươi sáu đạo đều tà, vì lấy Đại thừa chê Tiểu thừa.

Nên Bách luận nói: Đạo thuận Thanh văn thấy đều tà. Vô Sư Đại Giác thì kinh Thuy Ứng nói ta hành Vô sư bảo, cũng gọi là Vô đẳng bảo, khiếp là phục.

Về chánh giải thích, đầu giải thích Phật. Xưng danh cũng thế, hợp gọi là danh xưng, tức trong thì đức, ngoài thì tiếng tăm đều vô lượng.

Về giải thích tại, là tên khác của trụ. Ngài Kinh Khê nói: Tất cả kinh, hai tên đầu đều dùng chung nhau. Tên khác nhưng nghĩa đồng, người dịch tham khảo lấy. Trụ bố thí bình đẳng, là lấy nhân mà hiển bày quả. Nhân tu bố thí bình đẳng thì quả ở trời cõi Dục. Các thứ khác đều phỏng theo đây.

Từ “Phạm...” cõi Sắc và Vô sắc đều lìa dục nhiễm nên gọi chung là Phạm trụ. Phạm là thanh tịnh. Ba Không là Không, Vô tướng, Vô nguyện, cũng là sinh Không, pháp Không, bình đẳng không. Lăng-ng-hiêm dịch là Kiện tướng, tức nhiếp chung các Tam-muội. Pháp Phật có được, ngài Kinh Khê nói Phật dùng không chỗ nương mà làm chỗ nương. Không chỗ nương tức là Thường tịch quang.

Hiện ba cõi, là vì lợi vật, vì trụ biểu thị cho không trụ mà ở thành này. Thế gian giải thích Phật trụ chỉ dùng ở cõi đời, nên xem Phật đồng với người đời. Nay muốn nói chung nên gọi chung là Phạm thiên, hướng chỗ Phật trụ chung cả Phạm thiên. Nay nói ngài Long Thọ nêu chung bốn trụ, riêng bày hai cái sau để giải thích văn kinh, nên luận tự kết rằng: Ở trong pháp bốn trụ mà trụ Thánh, trụ Phật, trụ Pháp. Vì thương xót chúng sinh nên trụ ở thành Vương xá. Các Sư khác không hiểu, nay gia sư toàn y vào Đại luận mà vọng có chê phá.

Về giải thích riêng được nêu giải thích Phật có chánh giải thích, tức lược nêu giải thích tên đề và từ “sơ thành...” là dẫn các giáo rộng giải thích: Nói thành đạo; chuyển pháp luân. Tướng lớn nhỏ, lớn tức ba mươi hai tướng, nhỏ tức tám mươi vẻ đẹp. Theo giáo Biệt Viên thì Phật lớn nhỏ đều có tám mươi bốn ngàn. (liên cởi chuỗi Anh lạc), tức dùng văn Pháp hoa ví dụ năm thời để hiển ý này. Dấu thân Lô-giá-na bằng cách cởi chuỗi anh lạc và hiện liệt ứng thân như mặc áo xấu, tức làm thầy Tỳ-kheo già. Tướng cao quý trong nhà sang trọng “môn nội Tôn Đặc), đã tâm tướng thể tìn, nên vào nhà thấy Trưởng giả đeo chuỗi Anh lạc. Như ở kinh này ngài Thân Tử thấy thân Phật như núi chúa Tu-di. “Hoặc hiện...” là mới vào Tiểu cơ. Còn thấy thân liệt ứng.

Vì chúng sinh nghi, Tiêm sư nói trong Bát-nhã ấy có nghi rằng: Đầu tiên Phật sinh ở cung vua, năm mươi chín tuổi xuất gia, năm ba mươi tuổi thành đạo, đến đây sao có thể hiện thân Bất tư nghi. Để dứt các nghi nên chỉ hiện thân trượng sáu, xung quanh mỗi bên có ánh sáng một trượng. Đây đều là các nghi. Người thường được thấy, là thân thường ánh sáng thường. “Niết-bàn...” là hiện thân tuy đồng Phương đẳng mà kẻ học Tiểu thừa đồng hiểu Viên thường, chỉ đây là khác.

Hỏi: Có người bảo Hoa Nghiêm nói báo thân, còn các kinh Đại thừa khác đều nói ứng thân, để phán quyết hơn kém, là nhất định thế chăng?

Đáp: Nói ba thân thì ứng thân thường nói nhất. pháp thân nhất định không nói, báo thân thì chung cả hai nghĩa. Báo tự thọ dụng thì đồng với pháp thân không nói, Báo tha thọ dụng thì đồng với ứng thân có nói, ứng tức pháp nên nói tức không nói, pháp tức ứng nên không nói tức nói. Căn cứ theo lý thì không phải nói không phải không nói, ước theo sự thì có nói, có không nói. Lý sự tương tức tranh chấp từ đâu mà có. Cho nên Pháp hoa và Niết-bàn đã khai quyền còn là pháp thân nói, há không phải là báo thân nói. Cho nên nói Thích-ca Mâu-ni gọi là Tỳ-lô-giá-na. “Ta nay thân này) tức là pháp thân. Hạng cơ tầm thường xét mà suy nghĩ.

Nhập Niết-bàn. Song ba văn này tới lui có khác chút ít. Thành đạo và nhập diệt đều ước vào bốn cơ, cùng lúc thấy khác. Trong khoảng chuyển pháp luân, bèn ước vào năm thời, thêm bớt mà nói. Cùng lúc thấy khác, tức là ý thông nhau, năm thời thêm bớt tức là ý thứ lớp, nên biết đều thông nhau và đều thứ lớp, chỉ cùng hiện ở văn mà thôi.

“Kinh này...” là phán quyết thuộc kinh này. Nay phán quyết giáo bộ chính là y vào thứ lớp.

“Hỏi...” là liệu giản. Từ “nếu đến...” là vì chương nặng nên thấy thân kém, căn lợi nên được thấy nghe pháp cao quý.

Giải thích Tại, Tại tức là nghĩa Trụ “ở). quán tâm, sáu tức phân biệt, tướng tận như trước ghi. Phạm luận quán tâm đều vì người ở vị sơ tâm danh tự mà chỉ rõ môn ấy.

Nơi nghe kinh, có hai: 1, Ý nói phân chương. 2, Ý chương giải nghĩa, Chánh giải thích nơi chốn, Nơi chốn chung, căn cứ sự, nước Tỳ-da-ly ở phía Nam sông Hằng, tại cõi Trung Thiên Trúc. Bốn nghĩa trong văn, tức là thế gian bốn Tất-đàn. Vì nghiêm tịnh nên người thấy đều vui mừng tức thế giới Tất-đàn, lương thực nuôi mạng sống, tức giúp tốt lành cho nhân sinh. Bằng phẳng không lồi lõm tức là đối trị phá ác. Ưu thích chánh đạo tức là Đệ nhất nghĩa. Nhân nghĩa chánh đạo tức lý thế gian. Chỉ trực là bằng phẳng. Khổng An Quốc chú thích Võ Công nói rằng: Chỉ nhỏ hơn lệ, đều là đá mài cả. Hiếu đạo là đôn hậu gắng gỏi. Năm trăm Trưởng giả... là phạm năm trăm nhà đều nhường ngôi làm vua.

Đối pháp môn. Đối bốn giải thích trước cũng thành bốn Tất-đàn. Ba thứ trước đều là tên khác của Đệ nhất nghĩa, bốn thứ đều ở lý, đọc văn có thể thấy. Ngài Kinh Khê nói: Kế đối pháp môn cũng nương vào bốn nghĩa để lập cõi nước là chỗ nương tựa cho ba thân.

Trăm thức lúa thóc, thì Dương Tuyền Vật Lý luận rằng: Nếu cốc khí mạnh hơn nguyên khí, thì khiến người ấy mập mà không thọ. Còn thuật dưỡng tánh thường khiến cốc khí yếu, nên bệnh không sinh. Lương là tên chung các loại lúa thóc, xưng là tên chung các đồ tươi giặt, thực là tên chung các loại đậu. Ba cốc, mỗi thứ đều có hai mươi giống thành sáu mươi. Các hạt rau quả giống lúa mỗi thứ có hai mươi gồm thành trăm giống lúa.

Quán tâm, hưởng đối pháp môn thì biểu thị ngay quả địa chứng được của Đức Thích-ca. Đây nói quán tâm là chính người tu phải nhiếp giữ một niệm, nói về tánh thì giống đồng nhau, nhưng phạm Thánh lại hai thứ rất khác biệt. Dưới giải nghĩa Am viên cũng thế.

Không nhiễm không đắm trước, là không nhiễm sinh tử, không đắm trước Niết-bàn. Lại không nhiễm hai biên, không đắm trước Trung đạo. Nghĩa nhiễm trước một phần đã được giải thích như thế.

Bách cú giải thoát, rút từ kinh Niết-bàn, bách cú tuy nhiều nhưng ba giải thoát gồm nhiếp cả. Ba giải thoát tương tức nhau chỉ là một tâm.

Phân biệt nơi chốn, Nói ý: Trợ chứng Du Mạn, tức nêu chung tên nước, không biết Phật ở đâu, cho nên sau đó nói vườn cây Am-la.

Chánh giải thích. Ước sự: đây cùng Đại kinh giống nhau khó phân biệt, tức sống chín khó phân. Đủ có bốn câu, là thấy trong văn quán tâm. Hoa sinh một gái..., đây là dựa vào kinh Nại Nữ Nhân Duyên mà nói.

“Đối pháp môn”, từ Hoa thất giác khởi tâm Từ bi, ngài Kinh Khê nói: Nhân khi Tướng thành nương vào đó mà khởi thế.

“Tuy không phải hữu vô...”, tức tuy không phải cùng ngăn cách, “từ mà giống...” là song chiếu vậy. Vì trung và biên tương tức nên khó phân biệt.

Căn cứ quán tâm, mười thứ vườn, Tiêm sư nói kinh xưa quyển ba mươi hai nói: Nay Phật tử! Đại Bồ-tát có mười thứ vườn rừng. Những gì là mười, đó là vườn rừng sinh tử, vì làm hạnh Bồ-tát không khởi buồn lo. Vườn rừng giáo hóa chúng sinh, vì không chán chúng sinh... cho đến nói vườn rừng ở trong mỗi niệm tất cả chúng sinh hiện thành Chánh giác. Vì pháp thân như hư không đầy khắp tất cả thế giới Bình Đẳng giác. Quán bất tư nghi khó phân biệt lý, quán tức ba quán, lý tức ba đế, không một không ba gọi là khó phân biệt. Tận tường như văn chỉ quán thứ năm quán ấm cảnh.

Từ “hỏi ai...” là giải thích nghi ngại. Trước nói quán pháp giải thích đều là ý Phật. Có Hỏi và Đáp: Nêu ý Phật bao hàm nhiều thứ để chê chung. Trước nêu bốn dụ để hiển bày bao hàm nhiều thứ. Do bao gồm nhiều thứ nên tùy cơ giảng pháp, đâu chỉ giải sự ư? Lưu niệm đối chủng là dụ cơ, Hải châu cảnh địa là dụ Ứng.

Kế “Đại kinh...” là chê chung. Ngài Kinh Khê nói: Ông còn hiểu ở sự mà không chấp nhận pháp môn, như đều căn cứ vào ngài và đuôi mà mất đi thật thể. Cho nên một nhà giải thích nghĩa, sự lý đều phải đủ cả hai, đâu không phải là được toàn phần con voi đấy ư? Như mười thành mười vườn trong kinh Hoa Nghiêm, há có thể chỉ là thành vườn ở thế gian? Việc rờ voi, như trong Đại kinh nói: Ví như có vị vua bảo một quan đại thần: Ông đem một con voi đến trước nhóm người mù. Mỗi người lấy tay rờ. Người rờ vào ngài thì nói voi giống như củ phục linh. Người rờ vào tai thì nói voi giống như cái ky. Người rờ vào đầu thì nói voi giống tảng đá. Người rờ vào vòi thì nói voi giống như cái chày. Người rờ vào chân thì nói voi giống như cái cối gỗ. Người rờ vào lưng thì nói voi giống cái giường. Người rờ vào bụng thì nói voi giống cái ăng lớn. Người rờ vào đuôi thì nói voi giống sợi dây. Vua là dụ cho Như Lai, quan đại thần là dụ kinh Niết-bàn, voi dụ cho Phật tánh, nhóm người mù dụ cho tất cả chúng sinh vô minh.

“Nếu nói...” là dẫn văn kinh quán pháp để chánh đáp. Và lại Phật nói lời thành thật, là trong Đại kinh Phật tự giảng nói ý nghĩa biểu trưng của song lâm. Như kinh nói hai cây phía Đông là biểu thị cho thường và vô thường. Nên nói đều biểu thị cho Bán, Mãn. Vô thường tức là Bán, thường tức là Mãn.

“Hỏi pháp...” là hỏi Phật tự giảng nói, tức kinh nói: “Lấy đại Bi làm nhà, lấy nhu hòa nhẫn nhục làm áo, lấy các pháp Không làm tòa ngồi”. Sư tâm, là tâm trước bất thiện mà tâm sau tùy theo gọi là Sư tâm “tâm làm thầy), nếu tâm trước bất thiện mà tâm sau cải đổi lại thì gọi là tâm sư “làm thầy tâm) vì tâm trước bị tâm sau dạy dỗ. Nên kinh Niết-bàn nói nguyện làm tâm sư chứ không nguyện làm sư tâm. Nay vọng mà giải thích là tâm bất thiện mà không biết cải đổi lại, nên gọi là sư tâm.

“Đáp nếu...” “thố” là đặt để. Hà tăng tinh thị là như chia kinh làm ba phần, mỗi phần đều lập nghĩa môn há đều là Phật nói sao? Song đây vì không biết Thích luận có nói Bồ-tát tứ y tùy nghĩa mà lập tên, gọi là pháp thí. Nếu bảo các thứ đều giải nghĩa, sao riêng pháp môn không giải nghĩa? Hai, là nêu rõ các giáo Đốn Tiệm đều cần phải quán giải, có hai: a, Vấn nạn. b, Đáp giải thích, lại có hai: a’, Nói Phương đẳng có quán giải. b’, Nói Tiểu thừa có quán giải, tức vì người chần trâu nói mười một pháp... Tiệm sư bảo: Đại luận nói: Thả trâu, ngài Nan-đà hỏi Đức Phật rằng: Có bao nhiêu pháp thành thực khiến bầy trâu dứt não loạn, có bao nhiêu pháp Không thành thực khiến bầy trâu tăng trưởng không an ổn. Phật đáp: Chần trâu có mười một việc, có tụng rằng:

*Hiểu sắc và tương ứng
Vuốt ve, băng bó ghê
Đốt lửa và cỏ ngon
An ổn và chỗ qua.
Thời tiết, nuôi con nhỏ
Giúp đỡ các trâu già
Các Tỳ-kheo cũng thế
Biết bốn đại tạo sắc
Khéo phân biệt ngu trí.
Vuốt ve cắn sáu tình
Khó che tướng mười thiện
Truyền sở học là khói
Ngăn bốn ý cỏ ngon
Mười hai bộ ở yên*

*Tám Thánh đạo đến nơi.
 Không nhận giặc nhỏ mời
 Gọi là biết thời nghi
 Tri túc là nuôi giữ
 Kính hộ là chở che.*

Cả mười một việc trên đây là phụ việc quán tâm của Tiểu thừa vậy. Song đâu chỉ là nội điển “sách Phật) mà ngoại giáo cũng thế. Như thiên Nho Hạnh có nói: Nho có trung tín làm giáp mào, lễ nghĩa làm gây gộc. Lại pháp ngôn của Dương Tử nói: Lấy tu thân làm cung, lấy cao vọng làm tên, lấy lập nghĩa làm đích nhắm, nhắm kỹ mà bắn, bắn tất trúng. Có thể cũng giống như quán tâm. Do đó mà biết quán giải của Đại sư được ý cả nội ngoại.

Đối giải thích đề, nói ý giáo quán trước sau. Huyền thích, là lìa văn giải thích trước “ức đoán) nên nói là huyền thích, tức chỉ huyền nghĩa trước. Lại chữ huyền thích, Huyền là chung, tức lìa văn mà giải thích chung, không phải tùy văn mà giải thích riêng. Văn tuyển nói Duệ Triết huyền Lãm có chú thích rằng: Huyền là chung, cho nên hai chữ xử dụng cho nhau.

Chứng tỏ không phải nhầm truyền: Nêu chung, nêu ý phân chương. Huyền nghĩa giải thích ngại, có giải nêu các thứ lớp. Hỏi. Đáp, Nói dấu thích thân sơ. Người trong không được đạo thì dù đến chỗ Phật, kiết hoặc vẫn còn nguyên. Ngài Kinh Khê nói: Trong không được đạo xét khác Nhị thừa, ngoài thiếu hóa tha xét khác Bồ-tát.

Ước pháp môn để biểu thị hai thứ, giải khen đức hữu vô, Hỏi, Đáp, Nêu lời giải xưa. Nói lời giải nay: chê xưa, “từ nay e...” nói nghĩa nay. Như Đại luận, ngài Kinh Khê nói: Dẫn giải thích này thì Tiểu chỉ là Tiểu, còn Đại thì không nhất định, hoặc cùng hoặc riêng lẽ. Cùng là ý của bộ, riêng lẽ là theo người dịch. Cho nên chuẩn theo ý luận, Kim Cang há có thể là Tiểu thừa, do người dịch giữ lại hay lược bỏ nên nêu riêng như thế.

“Một là nói...” là tùy giải thích, có Thanh văn, giải thích chung. Hồ Việt, Hồ ở phương Bắc, Việt ở phương Nam. Văn Tuyển Cổ Thi có nói: Ngựa Hồ hý gió Bắc, chim Việt làm tổ cành Nam. Chánh Bất nói: đồng thuyền mà cứu Hồ Việt lo gì sự phiền phức.

Giải thích riêng, có hai: Nêu và giải thích, Giải thích, dẫn số đồng nêu, “nếu giải thích...” là y nghĩa giải thích: Chọn khác Pháp hoa. Phát tích... ngài Kinh Khê nói: Hỏi: Phát bốn phát tích đồng dị thế nào? Đáp: Nói đầy đủ trong Thích Thiên.

“Một chỗ...” là chánh nói nghĩa nay. Vô tác, nhân tạo tác mà phát. Thành luận lấy phi sắc phi tâm bất tương ứng mà làm vô tác giới thể. Chín định là bốn thiền, bốn không và diệt thọ tưởng gọi là chín thứ đệ định. Đều chứng hữu dư là khổ nương thân mà tồn tại.

Giải thích đại, có hai: a, Dẫn luận mà giải thích. b, “nay nói...” là nói nghĩa nay, Căn cứ chung riêng mà chánh giải: Vi-đà cũng gọi là Tỳ-đà, Hán dịch là Trí luận, ngoại thư của Ấn Độ. Có bốn thứ:

1. Ưc lực Vi-đà là nói pháp thờ lửa sám hối.
2. Gia viên Vi-đà là nói pháp bố thí cúng tế.
3. A-tha Vi-đà là nói pháp chiến đấu.
4. Tam-ma Vi-đà là nói pháp chiến đấu của nước khác.

Biết thứ này thì sinh trí nên gọi là trí luận. Hiểu rành bốn thứ này gọi là Vi-đà ngoại đạo. Phật đối chí cộng duyên, là tánh niệm thì phá Nhất thiết trí, cộng niệm thì phá thần thông, duyên niệm thì phá Vi-đà. Tánh là chân duyên để lý chỉ đoạn phiền não. Cộng là sự lý hợp tu tức gồm tu chín định, nên hay phát thần thông. Duyên là khắp duyên các cảnh. Nói là học đương giáo, tức học bốn môn giáo pháp và hiểu rõ ngoại điển Vi-đà. Được nhập tánh Địa là vị ở nội phạm. Thành ba giải thoát, là lấy ba niệm thứ lớp mà đối. Tâm được giải thoát tốt là tâm tức định. Tuệ và định đầy đủ được gọi là Câu giải thoát. Vô ngại giải thoát là trong ngoài khắp hiểu nên gọi là vô ngại. Gọi đại Tỳ-kheo thì Tỳ-kheo là tên chung nhân quả, La-hán thì chỉ ở quả. Ba-la-mật, Hán dịch là Sự cứu cánh. 2, Đối nghĩa mà chọn lựa. Trong lời đáp lấy Ma-ha Bát-nhã giống như tuệ giải thoát.

“Tam tạng...” căn cứ giáo quán mà phán quyết kết: căn cứ Tạng, Thông Giáo Quán. “Tám thứ này...” là phán quyết: Giáo, Luận. Tỳ-đàm trình bày Tam tạng hữu môn, Thành luận trình bày Không môn. Giải thích Tỳ-kheo, có hai: Có dịch. Và Không dịch, Giải thích ba tên gọi trong nhân, có hai: 1] Dẫn luận nêu tên. 2] Y luận mà giải nghĩa.

Ma-la, Hán dịch là Sát, tức hay giết hại các thiện căn xuất thế. Trên cõi trời thứ sáu có chỗ ở riêng của Ma-la, cũng thuộc trời Tha hóa. Ba ma cũng sợ khi sắp muốn đoạn nhân phiền não thì diệt quả ấm tử, có nghĩa phải sợ trước, vì ba ma sợ thì thiên ma mới sợ. Thanh nhã, nhã là chánh xa lìa bốn tà, tức cú, ngữ, phước, duy nói rộng như Thích luận quyển bốn. Lược dẫn như giải thích sau ở văn của chương ghi Tu-bồ-đề. Hai thứ sau giúp thành, là ái và kiêu mạn đều thuộc ý nghiệp. Đứng đầu thân, khẩu thì ba nghiệp phá ác. Phá kiêu mạn, tự ý mình gọi là kiêu, hạ nhục người khác là mạn. Đi khát thực là khiêm nhường hạ thấp mình

xuống để phá hai tâm ấy. Văn sau chê ngài Thân Tử tức là văn ở phẩm Hương Tích hai thứ này đầy đủ ở sau kết nêu quả theo tên.

“Trực ngôn...” là phán quyết về ngôi vị.

Giải thích chúng, có hai: 1, Giải thích chung về nghĩa chúng. 2, Giải thích riêng dẫn bốn Tăng: Nêu tên giải nghĩa. Ba học tướng khai giá thông tắc, thì khai giá là ước về giới luật, tướng nó dễ biết. Còn thông tắc là ước về định tuệ. Như văn chỉ quán biết thông tắc, như vì khổ tập mười hai nhân duyên sinh sáu tế gọi là tắc, còn đạo diệt mười hai nhân duyên sáu độ gọi là thông. Nay nên nói rằng: Tán loạn là tắc của định, còn yên tĩnh là thông của định. Tối tăm là tắc của tuệ, sáng suốt là thông của tuệ. Cũng như á dương luận nói: Ví như dê trắng cho đến người giết không thể lên tiếng. Nhầm đọa và Tăng số, cũng nói nhầm làm Tăng. Bốn sự tức là phòng nhà, y phục, ăn uống, thuốc men. “Hai thứ trước...” là kết phán lấy bỏ. Đã không phải sự hòa hợp thì không kham việc Tăng, ngài Kinh Khê nói: Không thể phân biệt định tuệ hai tạng, cũng có thể là sự hòa hợp. Giới tạng không rõ thì trì giới cũng có thiếu sót, cho nên tuy trì giới, cũng gọi là ngu si, huống là á dương Tăng.

Giải thích số đối hành, số tức là căn cứ quán tâm.

Chúng Bồ-tát, có hai: 1, Nêu ý phân khoa. 2, Rộng giải thích đầy đủ ở sau, Dịch giải danh nghĩa, có hai: Lược bày và “Dịch...” là các nhà phiên dịch. Luận nêu các nhà khai sĩ. Sĩ đầu tiên, ngài Kinh Khê nói: Tâm mới mở nên mới phát tâm. Bản xưa dịch là Cao sĩ, có hai bản là kinh này. Vượt hàng phàm tiểu nên gọi là Cao sĩ. “Nay y...” là y vào Đại luận. Là người không ban lợi, tức chỉ tự độ không giúp ích cho người khác.

“Chỉ ba...” là phân chọn kết bày. Phân biệt Nhị thừa hai giáo khác nhau. Nhị thừa là do chữ Tát khác Bồ-đề của Nhị thừa. Phân biệt Bồ-tát Tạng, Thông: Chánh phân biệt Biệt Viên đến hút sắt, là trung chân hiển phát không mưu cầu mà khắp ứng như đá hút sắt.

“Hỏi...” là giải nghi. Về ý hỏi, ngài Kinh Khê nói: Y vào Tạng, Thông trước rồi văn sau mới làm câu hỏi. Trong ý đáp trước nói: Không được gọi Tát-đỏa vì không có nghĩa Tát-đỏa của Biệt Viên. Nay nói ít có Từ bi, là Tạng, Thông Bồ-tát cũng có Từ bi nhưng khác hàng Nhị thừa mà được tên Bồ-tát. Trước nói: Không phải Tát-đỏa, là ý kiến riêng khởi Từ bi của Biệt Viên thì mới được riêng gọi là Tát-đỏa. Chỉ vì Bồ-tát Tạng, Thông có quán hành đồng Tiểu thừa, nên riêng chê. Chung được tên, tức là mỗi thứ tùy ở đương giáo. Nay nói ít có Từ bi là

ý muốn lại lấy Bồ-tát Tạng, Thông hợp thành bốn thứ.

“Bốn giáo...” là kết bày. Phần lớn dùng điển, là Ma-ha-diễn, Hán dịch là Đại thừa, lược nói là Diễn. Không phải chánh của Diễn là kinh này ở Diễn, nên chê Bồ-tát có chung có riêng. Chung là chê cả ba, còn riêng thì chê ở Tạng. Cho nên khiến chung riêng có khen có chê. Tam tạng chỉ chê, Viên giáo chỉ khen. Chê chung thì lời khoan dung không phải chánh thể của giáo. “Có lúc...” là sở văn: Hoặc nói tam tạng là đối nhau so sánh phán quyết, không liên quan gì với ý kinh. Kế là quán tâm dùng ba quán để nhiếp bốn Bồ-tát, như văn.

Biện về số. Khen về đức: Phân khoa. và Tùy giải thích: Khen chung: Giải thích chung, có hai: 1) Nêu chương nói ý. 2) “Các thứ này...” là nói Đức giải thích tên.

Hà trạch vô biên, nghĩa là chúng sinh mang ân trạch của Bồ-tát. “Chỉ chúng...” là giải thích riêng, có ba: 1) Nói ý. 2) Chánh giải thích. Trong văn lại còn căn cứ gôi vị mà phân biệt. Ngài Kinh Khê nói: Khi đến ngôi vị này, mới có thể làm tri thức chung cho chúng sinh. Nếu chánh khen, là như kết văn sau đây tức vị Bồ xứ. 3) “nay các...” là kết bày. Ngài Kinh Khê nói ngang khắp dọc cao là chánh kết công dụng khen ngợi.

Khen riêng, Chung riêng phân khoa: “hai...” là tùy văn giải nghĩa: Lược khen đức tự tha: Lược khen đức tự hành, Chánh khen, Giải thích sự, Nêu văn phân chương. Tùy chương giải thích, Giải thích bốn hạnh đại trí, ước một pháp, Giải thích nghĩa, “y...” là giải thích. “cho nên pháp...” là nêu chứng. Ngài Kinh Khê nói trước dẫn câu trên trong kinh Pháp hoa chứng bốn, câu dưới chứng hạnh. Y vào bốn mà tu hạnh nên tất sẽ làm Phật. Đã nói đại trí tức là bốn hạnh, thì cũng có thể bốn hạnh tức là đại trí. Kế nói rằng từ vô trụ bốn để chứng bốn, lập tất cả pháp để chứng hạnh.

Phán quyết ngôi vị: Tựa xưa, chánh tựa. Ngài Kinh Khê nói: Hai nhà dịch Nam Bắc chưa thấy bản văn. Ngài La-thập tuy nói từ dưới đến trên dần dần các câu chuyển mạnh hơn, chưa ắt sau lại thẳng trước. “đã giải...” là nghiên cứu kỹ. “Bắc phương...” các thầy này chuẩn theo kinh Địa Trì lấy mười độ mà đối mười Địa, nên lấy bảy độ của văn nay để đối bảy Địa. “Nếu muốn...” là chê phá. “nay nghĩa là...” là nói nay, gồm tổng giải thích, Chánh giải, Bày cái đúng, chê cái lỗi. “Như khen...” là dẫn văn xưa mà gạn hỏi. Đâu có thể khen dưới, vì người phương Bắc lấy câu này để đối bậc Sơ địa. Nếu căn cứ vào thành tựu thì phải khen bậc Đẳng giác, sao lại riêng khen bậc trên, là bậc Sơ địa

đã được phân làm sư tử hồng. Người phương Nam sao cho rằng khen riêng Bát địa, nên biết dưới là kết vấn nạn. Chỉ do chấp nhất định một vấn nên bị phá lẫn nhau. Nếu như nay Sư nay là người một phần chân vị đều đầy đủ các câu mà sâu cạn rõ ràng.

Giải thích ngại, có hai: a, Dẫn văn lập ngại. hỏi gần bậc vô Đẳng, ngài Kinh Khê nói: Ước văn định nghĩa chỉ ở bậc Đẳng giác. b, Ước nghĩa mà đáp giải thích. Nói các đức đều khen bậc trên. “kết rằng...” là Đẳng giác, lân quả mới gọi đầy đủ.

“Nếu thông...” là nói vô đẳng. “cũng thông...” là trước lấy định nghĩa làm vấn nạn. Nay lấy thông nhau mà giải thích. “trước nói...” cũng gọi là gần. Đối đãi nhau, ngài Kinh Khê nói: Ấy là ước nghĩa chung, tức là lấy trụ trước mà đối với Nhị trụ xem đó là xa, đối với Sơ trụ xem đó là gần. Sơ trụ mà đối với Nhị trụ là gần, mà đối với tam trụ thì gọi là xa. Cho đến Thập địa so đây khá biết. Đều lấy diệu giác làm vô đẳng đẳng. Đây thì Sơ trụ phần quả cũng được gọi là gần, há chỉ có bậc Đẳng giác. “Pháp hoa...” là nói nghĩa gần, còn chung cả quán hành ngoại phạm, hà tất là Thánh vị.

Hành xứ và Cận xứ, thì bên trong ôm ấp lý cao tột, trải duyên chịu đựng Sự, gọi đó là hạnh. Thể nhập thấu suốt ngoại duyên trụ vào chân cảnh, coi đó là gần. Bởi sự lý chung hiện đều ước vào ngoại phạm. Hoa Nghiêm trên đối dưới cũng gọi là xa, đất trong móng tay nhìn sang đại địa là quá xa nên biết. Ai cho rằng Thập địa Đẳng giác là gần với vô đẳng đẳng? “nay...” là giải thích riêng. Trải các giáo trình bày tường tận. Chỉ ước vào hai đế tức vì đạo quán song lưu. Phẩm bậc có hơn kém, là lấy tám, chín, mười Địa mà so nhau. “chỉ các...” là chê xưa bày nay. Nói Thánh đức khó lường, chê xưa có định chấp. Chỉ các Bồ-tát, tức chỉ ba vạn hai ngàn người đều trong ngậm thật tướng, ngoài ứng với quần cơ, luận về chỗ chứng, khó lường ai cao thấp. “nay không phải...” là giáo quán đầy đủ hiển bày được ý nay.

Căn cứ hai pháp: Chánh giải thích, nêu ý, chỉ chân và mắt đều lỗi, có mắt không chân đâu thể tiến tới, có chân không mắt tất rơi vào chỗ hiểm, dùng đây nói giải và hạnh không thể riêng có. “sở dĩ...” chánh giải thích, Giải thích đại trí. Giải thích bốn hạnh.

Các đức ngang dọc, ngài Kinh Khê nói: lấy chủng trí để hiểu tất cả hạnh, hạnh gọi là ngang. Lấy trí đến lý mà nhìn hạnh thì gọi là dọc, vì lý rất sâu và hạnh khá rộng vậy. Lại cũng có thể nói giải ngang mà hạnh dọc. Giải Sơ tâm đủ, hạnh dần mới thành. Nên biết giải hạnh nhiếp cả, không đâu không khắp. Giải thích đều được thành tựu, gồm

hỏi và đáp Chánh đáp câu hỏi trước và ước giáo mà phân biệt.

Đàn ba sự không, là người thí, vật được thí và người nhận đều như huyễn hóa. Quán giải, Giải thích khen, có Cùng nêu. Phụ thành việc hóa tha, tức chánh thành việc tự hành vậy. Ngài Kinh Khê nói: hóa tha tất phải nhờ oai thần chư Phật gia bị. “chánh...” là cùng giải thích, Giải thích chánh khen trước, Chánh giải thích, về sự dẫn luận lược nói. “nay...” là y nghĩa giải thích rộng, Chánh giải thích, gồm Pháp. Dụ và hợp. “ngoài không...” là đất sinh, mặt trời chiếu, gió động, mưa thấm... sau đó mới thành hạt quả. Kế Chánh hợp dụ trước lại lấy dụ làm sáng tỏ.

Chim đại bàng dụ cho Phật, tức ứng. Ảnh “bóng) dụ cho oai thần, tức Từ bi. Con dụ cho Bồ-tát, tức cảm. Ngài Kinh Khê nói: Nói cảm ứng diệu lý chưa đến mức mà gia bị thêm vô duyên Từ. Nói đại bàng, thì Trang tử có nói đại bàng nương gió cả bay lên cao đến chín vạn dặm, cánh như mây trời. Khổng thị Chí có nói: Sở Văn Vương lúc thiếu thời tánh ham săn bắn. Dưới tay có các loài chó nhanh, ưng giỏi trong thiên hạ. Có người hiến cho Vương một con ưng bảo rằng: Không giống loài ưng của Vương đang có. Bỗng ở tít trên mây cao, có một vật đang đứng yên lơ lửng màu trắng mà không rõ hình dạng. ưng thấy liền xòe cánh phóng vút lên cao nhanh như ánh chớp, phút chốc lông rơi như tuyết, máu rưới như mưa. Lâu sau có con chim lớn rơi xuống đất mà chết. Đo hai cánh rộng đến mấy mươi dặm, bên mỏ có vệt vàng, không ai biết là con gì. Lúc đó có người thông thái “bác vật) bảo đây là chim đại bàng con mới tập bay, nên bị loài ưng bắt được. Văn Vương liền trọng thưởng cho người hiến ưng.

“Cho nên Hoa...” là dẫn chứng. Bát địa trầm không, thì ngài Kinh Khê bảo; kinh xưa quyển hai mươi mốt nói: “Khi vào Bát địa rồi thì chư Phật mười phương bảo rằng: Tốt lắm! Tốt lắm! Thiện nam! Người đã được Đệ nhất nhãn, nên thuận các Phật pháp, chư Phật đều có pháp Vô úy, Bất cộng, chỉ người chưa được, nên cần phải rất tinh tấn”. Quán giải: “đây chánh...” là kết bày. Giải thích hai thứ sự và quán đều ước vào tự hành, Phụ thành việc hóa tha: Giải thích sự. “Cho đến kim cang tạng...” là gia thêm công đức lâm nói mười hạnh, gia thêm Kim cang tràng nói mười hồi hương. Trong văn giữ lại hoặc lược bỏ, nên nói “cho đến”. Kinh Khê nói: Thập địa còn cần xin gia thêm, huống là Sơ tâm mà muốn khoan tay bỏ qua sao? Thế nên tự tha đều cần xin thêm. Quán giải nếu muốn lợi vật, thì hàng Viên giáo thượng căn xuất giả ở ngôi quán hành, nếu nhờ Phật gia hộ hóa đạo không trở ngại, như gió

thối rap cỏ. Mị là thối rap, hay hóa độ là như gió, cơ duyên như cỏ. Luận Ngữ nói: Đức người quân tử là gió, đức kẻ tiểu nhân là cỏ, gió trên cỏ tất đề rap cỏ. Lược khen đức hóa tha, có hai: a, Phân khoa. b, Tùy giải thích. Khen tâm hóa tha, sự giải thích. Giải thích là thành trì hộ pháp, căn cứ giáo pháp giải thích: Kinh là Hộ Trì, thông thường đọc bình khứ hai thanh, bình thanh là làm, khứ thanh là giúp. Phương hại không phải là kẻ thù địch, tức y giáo tu hành thì hay phòng hộ được ba nghiệp, không phải là chống địch ngoại ma. “lại...” là ước lý cảnh mà giải, tất cả chúng sinh đều ấm nhập hiện tiền. Bát-nhã nói không đều từ sắc khởi. Các nhà nay quán pháp ý đều như thế, nhưng lại nương vào các văn khác mà nói thẳng vào đế lý, nay giải thích nghĩa của thành cùng ấm hợp, nên đây nói thấu đạt ấm tức chân, nên nói pháp này tức chân, trung đạo này là không bất tư nghì. Như trong thành ất trống không, nên dùng tiếng không mà nói. Chúng sinh là vua, tức trong ấm chúng sinh là chủ tể. Chủng tánh đầy đủ, tức một tâm trăm cõi, cõi cõi gồm ba đạo, tức ba đức. Lý thể vốn đủ, Tự tha không hai, gọi là Phật chủng tánh.

Giải thích thọ trì chánh pháp. Nội ngoại ái kiến, nội tức thông hoặc, ngoại tức biệt hoặc. Pháp vương chủng tánh đều được an ổn, là đạt ba đạo tức ba đức, gọi là an ổn. Hằng sa đến tan mất, là như dân không ly tán.

Trong văn quán giải lấy không giả đối nhau nói quán pháp của Thông giáo, Trung giả đối nhau nói quán pháp của Biệt Viên. Lục đạo giả tức đản không nên nói là giả không, đản không tức là giả của lục đạo, nên nói là không giả. Thứ này ở nội giới gọi là tiểu Niết-bàn. Hai biên tức Trung đạo gọi là giả trung. Trung đạo tức hai biên, gọi là trung giả. Hai đế nói nghĩa tục đế gồm chân, nên hai biên gọi là giả. Ý kinh ở tại diễn, nên quán pháp này chỉ nói ba giáo. Cũng có thể là giả không không giả gồm nhiếp tạng giáo.

Giải thích thành công hóa tha giải thích Năng sư tử hống, Sự giải thích, cũng gọi là sư tử hống Tam-muội, ngài Kinh Khê nói: Nếu thấy Phật tánh thì mới quyết định nói như sư tử hống. Chú thích: Nói rằng là rộng như phẩm Sư Tử Hống của kinh Niết-bàn.

Quán giải thoát ở bốn giáo, là trong thì nương vào không quán, ngoài thì nói Tạng, Thông. Trong thì nương quán giả, ngoài thì nói Biệt giáo, trong thì nương quán Trung, ngoài thì nói Viên giáo. Lại một tâm vốn đủ mười giới, nương bốn Thánh pháp giới mà nói pháp bốn giáo. Trong thì quán đã sáng, ngoài thì nói không khiếp sợ. quán tâm là gốc của các giáo, chính là ở đây vậy. Như sư tử con, là Phật như sư tử chúa,

còn người tu như sư tử con. Ba quán viên quán, như trọn cả ba năm. Hay nói bốn giáo, như tức hay gồm thết. Nhưng quán giải này bất tất là bạc Sơ trụ. Năm phẩm tức hay quán hành mà nói.

Tuy nói rằng bốn giáo mà ý ắt ở Viên. Dựa vào Viên mới nói tất cả loài có tánh gọi là Sư tử hồng. Giải thích danh nổi khắp mười phương. Giải thích khen, Giải thích sự, Giải thích câu đầu, Nêu bày. “Bồ...” là giải thích, chánh giải “kỳ thỉnh”, kỳ là van xin. Liên quan đại tướng: Theo phép vua ở ngoài vạn dặm thì lập một phương bá, cứ năm nước thành một thuộc, thuộc có trưởng, cứ mười nước thành một liên, liên có sư, nên gọi là liên quan. Giải nghi: Không phải thỉnh có không là cơ chín thì không thỉnh cũng ứng, cơ sống thì dù thỉnh cũng không ứng. Hễ thỉnh thì lại ứng, không thỉnh thì không ứng. Thành thực và chưa thành thực có thể biết.

Giải thích câu kế, nêu bày: “người đời...” là giải thích, Giải thích hữu, đồng môn gọi là bằng, đồng chí gọi là hữu. Mỗi người đều được đạo quả vô lậu, là Tạng, Thông thì phá kiến tư, Biệt Viên thì phá vô minh, tất cả đều ở vị vô lậu. “Pháp hoa...” là dẫn chứng. Thân là hữu (bạn bè). Trước nhỏ sau lớn, như trước sơ sau thân. Trong ẩn dấu đại hạnh mà quyền hiện là Nhị thừa, nên nói là nhị nhân. Đồng tu Tiểu hạnh, nên nói là cộng tác. Ông tức là cùng tử, là lấy dụ thật hành. “Nếu khai...” là thật hạnh cơ thành thực thì cảm ngộ được Viên thường, tức là thời Pháp hoa.

Giải thích an. Hai quán giải bốn tâm không thỉnh ba quán, ngài Kinh Khê nói: Chỉ tâm làm cảnh, cảnh tuy không cần nghĩa quán, nên không gọi là thỉnh. Vì không thỉnh nên cần phải siêng quán thì mới hợp được với quán. Nói khiến trụ, thì an là nghĩa trụ.

Giải thích công thành hóa tha: Giải thích sự và Nêu nhắc kinh trước. “Bồ-tát...” Chánh giải thích câu “nay”, Chánh giải nghĩa nay, là, Ước bốn giáo. và, “nếu Đốn...” là căn cứ năm vị, có hai: Đốn Tiệm. Đốn tức là Hoa Nghiêm, Tiệm tức bốn vị. Bồ-tát đối bày năm thời để lợi vật. Hoa nghiêm gồm Biệt chính là từ Viên mà nói, nên nói Viên cơ. Sơ tâm tức là sơ trụ. Về Tiệm thì là Lộc uyển tam tạng, Pháp hoa chỉ có viên. Trong đó tóm lược hai vị nên nói “cho đến”. Dần dần dẫn đến chí thật cùng quy về Viên giáo. Lần lượt hưng phát và tàn lụi), là Lộc uyển thì một hưng ba tạ. Phương đẳng thì bốn hưng phát, Bát-nhã một tàn lụi, Pháp hoa khai hiển chỉ hưng một Viên, Niết-bàn lập lại biết viên không khác. “Bồ-tát...” là kết. Hiển bày công nói pháp của kinh trước, là dẫn Đốn, Tiệm cơ đồng, cùng quy về bí tạng. Công đó rất rõ.

Quán giải, Lược chỉ Phật còn ở đời. Việc như trước nói tức là việc đã giải thích trước. Bồ-tát đối khi Phật ở đời mà Đốn, Tiệm lợi vật. “Phật...” là nói rộng sau khi Phật diệt độ. Ngài Kinh Khê nói: quán tâm trong đây trước nêu sự, tức là lấy sự làm gốc. Lại lấy tâm nổi thạnh cùng làm cảnh. Sự chánh vị, là chỉ có tin quán tâm, gồm khuyến khích các vua chúa dựng lập tượng giáo. Nói thạnh mà không quán tưởng còn thành lậu duyên, huống là còn mê tâm nổi thạnh tương tùng sao? Năng biểu nếu mất thì Sở biểu cũng tự tan. Cho nên mỗi mỗi văn đều khiến quán tưởng tùng...

Luận rộng về nổi thạnh. Chúng đệ tử, tức là tại gia và xuất gia. Lời phó chúc đều ở Niết-bàn. Phó chúc cho Văn-thù, Ca-diếp và các Tỳ-kheo ở vị lai, là phó chúc cho chúng xuất gia. Phó chúc cho quốc vương, đại thần, cư sĩ... là phó chúc cho chúng tại gia. “Sở dĩ...” là nói chúng tại gia nhận lời phó chúc tương nổi thạnh. Ngài Kinh Khê nói: Chúng xuất gia là đã ở trong tương tùng của số Tam bảo. Cho nên lại nói tại gia. Kỳ thật bốn chúng đều cần nổi thạnh và quán tưởng tùng, huống chi nổi thạnh là việc lớn. Nếu không có sức vua chúa thì không làm nổi, nên đây ước tại gia để bày tương ấy. Ưu-điền..., là khi Phật lên cung trời Đao-lợi kết hạ an cư, nói pháp cho mẹ nghe, vua Ưu-điền nhớ ân đức của Phật, bèn sai Tỳ-thủ Yết-ma khắc gỗ chiêm-đàn giống hình dung Phật cao năm thước, để làm di tượng ở đời sau khi Phật diệt độ. Đây là tương tùng của Phật bảo. Vua Xà-thế thường cúng dường ngàn Tăng, thỉnh Ca-diếp kết tập pháp tạng, đây là tương tùng của Pháp bảo. Vua A-dục độ tám mươi bốn ngàn người xuất gia. Đây là tương tùng của Tăng bảo. Chuyện vua Ưu-điền tạo tượng có ghi đầy đủ trong các kinh A-hàm và Quán Phật Tam-muội. Chuyện vua Xà-thế và vua A-dục đều thấy trong Phó Pháp Tạng truyện và Dục Vương kinh. “Nhược tương tùng...” là nguyên do sau khi Phật diệt độ thì nổi thạnh để lợi lạc quần sinh, để làm duyên được độ khi Phật hạ sinh. “Nhược hành...” là chánh khuyến đời mật pháp. Trước là luận nói nổi thạnh cũng còn là thời chánh pháp, nay ở thời tượng mật thì việc nổi thạnh càng cấp bách. Văn có hai: Trình bày sự hay giúp lý, độ người xuất gia, là vua Đường Đại Tông có lần hỏi ngài Tam tạng Huyền Trang về việc muốn gieo trồng công đức sao cho lợi ích nhất. Pháp sư đáp: Chúng sinh mê ngủ trong mê hoặc, nếu không có tuệ thì không thể mở mang sáng tỏ được. Mầm Tuệ phát triển là do pháp giúp đỡ, mà việc mở mang pháp là do người, nên việc độ Tăng là quan trọng nhất. “Tuy là...” là nhờ tượng mà biết chân, nhân sự mà biết lý.

“Cho nên kinh...” là dẫn kinh chứng thành. Trong văn dẫn ba kinh làm chứng về Tam bảo. Ngài Kinh Khê nói: Kính tượng như Phật thật”, thì Đại luận dẫn kinh nói: Không nên ở gỗ đất mà có ý vấn nạn, đây có thể biết tượng tánh bằng hư không, ba thân rõ ràng, bốn đức không giảm. Ấy là quán tâm tương tùng. Nếu thường như thế là tương tùng tức là Phật thật. Đây là nói tâm quán tương tùng Phật bảo. Từ không lia bỏ mà quán pháp tương tùng thì thấy được pháp thật. Kinh Hiền Ngụ nói tâm quán tương tùng Tăng thì được hòa hợp chân thật. Nếu không như thế thì sao thấy được thường lưu như ngài Thân Tử? Nếu không như thế thì chỉ đối với Tam bảo mặc tình tâm kiến thủ. Do đâu mà có thể thấy được chân Tam bảo. Theo đó mà nghĩ thì bậc Hữu đức cũng không tránh khỏi.

“Thiệu Long...” là kết khen. “Bồ-tát...” là chánh chỉ hai chúng tại gia, xuất gia ở đời mật pháp. Bồ-tát để kết khen ngài Nam Sơn nói: Hai chúng đạo tục phước trí siêng tu. Trí luận nói: Hàng xuất gia tu nhiều trí tuệ, trí tuệ là nhân duyên giải thoát. Kẻ tục tu nhiều phước đức, phước đức là nhân duyên an vui. Tăng-kỳ nói: Cúng dường xá-lợi, tạo chùa tháp không phải là việc của chúng ta, hàng quốc vương, cư sĩ người ưa thích phước kia phải tự cúng dường. Việc của Tỳ-kheo đó là kết tập tam tạng không để Phật pháp mau diệt mất. Rất mong hàng hậu đức có chí cốt ở nối thạnh phải nghĩ đến hai điều khác nhau này, có thể mới không cô phụ lời phó chúc của Phật khiến chánh pháp trụ thế lâu dài, cũng như hàng quần thần cai trị giúp nước nhà.

Truyền giải thích nối thạnh không dứt, có hai: Giải thích Sự, Nói ngoại ma là do tâm, do mê chân tánh mà khởi ái khởi kiến, nên khiến ma được dịp khuyến dụ. Thẳng hoặc ái kiến bên trong quên hẳn, thì thiên ma ngoại đạo khó thi thố tài sức. Song bọn ma ngoại kia cũng do đều mê chân tánh, ái kiến riêng Tăng, bèn mỗi ma giữ một chức mà làm duyên ác cho người.

“Nay nói...” là Bồ-tát chế phục.

Giải thích riêng, xét theo giáo, Chánh giải thích chế phục. “Nhược hàng...” kết bày giải thích trước. “hỏi...” là liệu giã, Chọn tiếng nghe ma. Tám ma, đó là bốn ma vô Thường, vô Lạc, vô Ngã, vô Tịnh. Bốn thứ ấy... là nội giới, bốn thứ vô Thường... là ngoại giới. Mười ma, Tiêm sư nói: Kinh mới quyển năm mươi tám nói: Bồ-tát có mười thứ ma:

1. Ấm ma sinh các thủ.
2. Phiền não ma sinh các tạp nhiễm.
3. Nghiệp ma hay chướng ngại.

4. Tâm ma khởi cao mạn.
5. Tử ma bỏ chỗ sống.
6. Thiên ma tự kiêu mạn buông lung.
6. Thiện căn ma luôn chấp thủ.
8. Tam-muội ma khiến đam mê lâu về vị.
9. Thiện tri thức ma khiến khởi tâm đắm trước.
10. Bồ-đề pháp trí ma khiến thường không buông bỏ.

Bồ-tát nên làm phương tiện cầu mau lìa bỏ nội ngoại. Phân biệt có thể biết là mười thứ danh nghĩa này chung cho nội ngoại. Từ đây trở về trước, là ngài Ca-diếp Bồ-tát chưa nghe Niết-bàn Viên Đốn. Trở về trước đã khởi trí giải về ba giáo đều gọi là tà kiến. Đây tức là ngoại đạo ngoại giới. Nay kinh chê trách ngài Thiện Cát ý cũng giống thế. 2. Phân biệt ma và Bồ-tát, Bồ-tát thế nào, ngài Kinh Khê nói đó là hỏi Bồ-tát hai giáo trước. “Hoa Nghiêm...” trong mười ma trước thì ba thứ sau chỉ là Bồ-tát, bảy thứ trước nghĩa chung cả Thanh văn. Tam-muội ma là thoái tâm Đại thừa nhận lấy tiểu Niết-bàn. Ngoại đạo cũng tu không..., Tiêm sư nói: Kinh Ưng-quật quyển hai nói ngài Văn-thù nói kệ rằng: “Chư Phật như hư không. Hư không không có tướng”. Ưng Quật trách rằng: Như Lai thật chẳng Không, lìa tất cả phiền não và các ám trời người, nên gọi là không. Than ôi! Loài muỗi mòng chẳng biết nghĩa chân không. Ngoại đạo cũng tu không, Ni-càn lại yên lặng. Quán giải thích Giả Không như trước đã giải thích.

Rộng khen đức tự tha, Phân khoa chung riêng. “một tổng...” tùy văn giải nghĩa, Rộng khen tự hành, có hai: Khen đoạn đức, có ba: Tổng khen, có hai: Giải thích Sự, Tổng: Kết hoặc tức là nhân, sinh tử tức quả, nhân quả đều mất, nên nói là đoạn. Chưa phân nội ngoại tức là luận chung. “kết hoặc...” là luận riêng. Hai chương là phiền não và sở tri chương. Quán giải: Hoặc nội giới hết thì quán Trung giả của Biệt Viên thành, lại ước theo phạm vị. Khen riêng, Giải thích sự, Chung, Chánh giải thích. Cái là nghĩa bao che. Triền do bị buộc trói mà được tên. “Nay bảo...”, ngài Kinh Khê nói: Nay Đại sư lại ước gần mà dụ xa, chỉ cành lá khác nhau nhưng tên ắt đồng. Vì sao? Vì năm cái chi phối bốn phần. Tham sân hai cái, tên vốn đồng. Do si nên có thù miên, do si nên nghi, do đó miên nghi hai cái đều phối hợp với si. Về phần điệu, tán là giới thủ, là lấy giới thủ tâm khắp khởi ba cõi, nên gọi là điệu tán. Nên lấy điệu cái đối với đẳng phần. “hỏi...” là liệu giản. Nay dựa vào riêng phần dưới, còn nói cái không đồng. Đồng là ở nội giới còn có thuyết khác, hướng là ngoại giới. Mười triền là phần, khuể gọi là Sân. Che dấu

tội mình gọi là phú; ý thức hôn mê gọi là thù, năm tình mật mờ gọi là miên. Vui chơi gọi là hý. Ba nghiệp thác động gọi là điệu. Chỗ vắng gây tội không tự xấu hổ gọi là vô tầm. Gây tội công khai Không xấu hổ với người khác gọi là vô quý. Tài pháp Không thường bố thí cho người gọi là xan. Người khác vinh hoa tâm sinh giận ghét gọi là tật. Giải quán, giải thích khen, giải thích sự, giải thích giải thoát vô ngại, giải thích chung. “tàng...” là giải thích riêng. Trí chẳng đoạn hoặc, tức hoặc là trí, há dùng trí mà đoạn trí. Tức trí là hoặc, há lấy hoặc mà đoạn hoặc, thấu hiểu không hai, gọi là trí gọi đoạn. Giải thích tâm thường an trụ. Trước giải thích giải thoát trình bày sở an, nay nói năng an. Tiếp quán giải. Tiếp là khen trí đức Phân khoa. Tùy giải thích, Chung gồm giải thích, có hai: Cú giải thích hợp. “Dĩ thử...” giải thích ly, có hai: Giải thích niệm định, Giải thích sự, gồm giải thích chung: Nếu được nhất tâm... thì quán hành trở lên, chung được tên vương. Nay ở phần chân mà riêng khen Đăng giác. “Nếu căn bản...”, căn bản tức là tứ thiền. Quán thiền tức chín tướng, tám bội xả, mười Nhất thiết xứ. Luyện thiền tức là chín thứ đệ. Huân thiền tức là sự tử phấn tấn, tu thiền tức Siêu việt Tam-muội. Ba Không tức như trước đã ghi. Tự tánh... chín thứ tức kinh Địa Trì nói chín thứ Đại thiền. Bát-châu. Hán dịch là Phật lập tức thường hành Tam-muội. Nhất hạnh, tức thường tọa Tam-muội. Như ngài Văn-thù bảo hai thứ Bát-nhã đã nói: Chín tuần thường ngồi bỏ bớt thân nghi “hoạt động của thân) nên nói là nhất hạnh. Lại chỉ có quán tịch diệt, nên nói là nhất hạnh.

“Căn cứ giáo...” là giải thích riêng: “Đại luận...”, ngài Kinh Khê nói: Tuy có giải thích khác, nhưng không ngoài bốn thứ này. Y diễn chỉ có ba. Tiếp dựa vào quán giải. Giải thích Tổng trì, 1) Giải thích chung. 2) “Pháp hoa...” Giải thích riêng, dẫn kinh bày nghĩa. Ngài Kinh Khê nói: Ba thứ Đà-la-ni mỗi mỗi phân chọn đều khiến chia riêng. Pháp âm có hai giải thích: 1), Nội chứng. 2) “Lại pháp...” là căn cứ ngoại dụng. “Được đây...” do ba thứ dung nhau nên gọi là vô ngại.

Tiếp hỏi đáp giải nghi, Nghĩa thông đầu đuôi. Ý hỏi, ngài Kinh Khê nói: Đã dựa vào ba quán lại thuộc Viên giáo. Nghĩa ở Sơ tâm, nên có câu hỏi này. Đáp...”, tức Phát tâm là sơ trụ, rốt ráo là Diệu giác, chỗ chứng lý bằng nhau, nên hai thứ không khác. Nói Tam tạng cũng được. Nói Tiểu thừa Không có phần. Ngài Kinh Khê nói: Phạm nói trì, thì: Một là, nhiếp tất cả; hai là, sinh Không mất. Tiểu thừa Không có thứ này, nên không hợp luận.

Quán giải. Giải thích câu kệ, sự giải thích, là Giải thích biện tài,

tổng nêu bảy thứ. Biện là hai mươi bốn biện..., Tiêm Ký có dẫn kinh luận đầy đủ. Người phải cần tìm đọc.

“Căn cứ giáo...” là giải thích riêng, Rộng giải thích Tạng giáo. “căn cứ chung...” là lược lệ ba giáo. Tiếp giải thích bất đoạn, có hai: a, Giải thích chung. b, “lại nữa...” là giải thích riêng, tức dựa vào bốn giáo mà giải thích. Lần lượt chung khởi là chỉ rõ nghĩa bất đoạn, đây là trong chứng ba giải thoát, ngoài ứng bốn cơ. Tiếp là quán giải. Tiếp nói riêng, sự giải thích, là Giải thích bảy độ, Khai hợp: Lại từ định tuệ mà khai ra, Tiêm sư nói: Chỉ là từ niệm định Tổng trì trên khai ra mà thôi. Bảy độ, là kinh này ở sáu độ trên thêm một độ phương tiện nữa là bảy.

“Từ định khai bốn”, là từ niệm định mà khai thí, giới, nhẫn, tấn. Vì niệm định tức là thiền độ. Tuệ khai phương tiện, là dùng chiếu tục trí làm phương tiện, còn chiếu chân trí tức là Bát-nhã. “Nhược tác...” là khai sáu độ ra mười độ. Sáu độ là chung cho Đại, Tiểu thừa, mười độ chỉ có Đại thừa, hoàn toàn cũng chung cho Tạng, Thông, vì quyền lập ba trí vậy. Khai thiền ra nguyện lực là ở thiền độ có nguyện trí lực. Khai nguyện Ba-la-mật có thần thông lực cho nên khai lực Ba-la-mật. Căn bản định giữ thiền độ. Bát-nhã khai ra đạo Chứng trí và Nhất thiết chủng trí. Nhất thiết trí giữ gốc được gọi là Bát-nhã.

Tiếp, căn cứ giáo. Tiếp giải thích đều đầy đủ. Kế tiếp là quán giải khéo vụng. Ngài Kinh Khê nói: Chỉ là phương tiện. Nếu thế phương tiện không vụng, vì sao lại nói đối nhau mà đến? Không phải gọi là có vụng. Xan tham cho đến ngu si cũng lại như thế.

Tiếp, chung. Kịp nói đến, cập là đến, tức là đã đến pháp nhẫn không khởi, thì chỉ là tên khác của vô sinh. Không cảnh có thể quán, tức là phiền não, sinh tử hai pháp vốn “không”, thì Bát-nhã Niết-bàn còn gì để đối đãi. Lý sự đều dứt, nên không thể quán. Ngài Kinh Khê nói: Mà bảo rằng không chỗ được. Trong đây có hai ý: Một là, bỏ Đại thừa mà tịch diệt sớm. Hai là, Tịch gọi là không phải lập lại. Không chỗ được, tức là không chỗ được của tịch diệt. Nhân Vương năm nhẫn, tức là tín, phục, thuận, vô sinh, tịch diệt. Anh lạc bốn nhẫn thì thiếu phần tín. Lại nói kịp...” là phần giải thích chữ kịp không giống trước. Nên viết ở trên và giải thích ở dưới. Lân quả là Trung nhẫn, gồm được dưới mười Địa là nhẫn vậy, Và nghĩa là gồm, và nghĩa không lấy đến. b, Giải thích riêng, có hai: a, Dựa theo bốn giáo. Tam tạng không văn, tức không có kinh luận nêu ra. Nghĩa tác đẳng, tức là chuẩn theo Đại thừa mà nói. Thông... ba giáo tức là dựa vào kinh Anh Lạc. Nên kinh Nhân Vương nói: Dưới chứng Viên giáo trước sau đều đủ bốn. Phục nhẫn đã thông nay ở sau

nghiệm thấy, ba thứ kia cũng thông ở phần đầu. Cho nên biết viên vị trước sau đều ngang đủ. Phổ Hiền, Hiền Thủ, Hiền tức là tên khác của phục nhãn, lấy phàm vị gọi là Hiền. Cho nên đã chứng Đẳng giác thì gọi Hiền, cho nên biết rằng tên dưới thông trên, là trên thông dưới, các vị đều đủ bốn.

“Hỏi...” là tóm lược hỏi. “Dưới khen ngài Tịnh Danh...”, tức đầu phẩm Phương Tiện khen đức rằng: Được Vô sinh nhẫn, biện tài vô ngại. Ý hỏi: Là các Bồ-tát này cho đến ngài Tịnh Danh đều là bậc Đẳng giác, cho nên biết không khởi pháp nhãn chỉ là vô sinh, không phải tịch diệt. Trong lời đáp bèn dùng chung riêng hai ý. Tại nhân thì nhượng quả, tức ý riêng. Dưới khen ngài Tịnh Danh, bởi lấy nghĩa này. Kế dẫn Đại kinh nói chẳng sinh, tức vô sinh. Đã gọi Niết-bàn, đâu không phải là tịch diệt. Kế dẫn kinh nay thì ý cũng thế. Nên biết vô sinh và tịch diệt là một thể mà khác tên, nên được dùng chung. Tiếp quán giải: Tâm nhu hòa nhẫn nhục là đó, tức nhu hòa là thuận với ba đế, còn nhẫn nhục là không khởi ba hoại.

Rộng khen hóa tha, có hai: 1) Phân khoa. 2) “trước là...” là tùy giải thích, Rộng khen pháp hóa tha, Phân khoa nêu trước, “nói...” là tùy văn chánh giải thích, Nói trong đủ, là giải thích câu đầu, nói rộng ba thuận. Chuyển bốn pháp luân, tức là bốn giáo. Bồ-tát tùy chuyển, tức Phật nói bốn giáo, Bồ-tát cũng thế, nên nói tùy chuyển. “nhân duyên...” tức lý bốn giáo. Hiểu bốn lý này thì chỉ là ba đế, ba đế không ngoài một tâm. Thuận hiểu mà nói, tức là người khác nghe thì bảo khác, mình hiểu lại thường đồng. Nên khiến văn sau dùng thuận hiểu mà nói là Thật trí. “Lại nữa...” là kết quy về hai trí. Là thuận thật trí, tức trong hiểu bốn lý tức là một tâm, tức là thật trí vậy. Là thuận quyền trí, tức tùy cơ nói bốn, gọi là thuận Quyền trí. Trong bốn viên tuy là thật đã đối với ba giáo chung được tên quyền. Lấy khai hiển chỉ viên mới gọi là thật, lại Bồ-tát tùy thuận đã làm bốn giáo, tất trải năm thời cũng dẫn dắt cơ duyên ấy đến khai hiển. Nay nói quyền trí thì cũng được gồm chung. Song Pháp hoa gọi quyền tức là thể nội phương tiện. Lại thuận kinh bộ để khen đức ấy không luận khai hiển, nên nói quyền trí. Thuận quyền thật hai trí, thể nội gọi là thật, thể ngoại gọi là quyền. Nội ngoại tuy khác nhưng chung gọi là phương tiện. Nay thuận ý Phật, nên được bao gồm tất cả. Trước thuận chúng sinh chỉ gọi quyền trí. Các học giả hậu lai cần nên biết tinh tường điều này.

Phần giải thích về câu sau, Sự giải thích, là giải thích tóm lược về chuyển luân. “Có bốn...” là nói rộng bất thoái, có hai: a”, Ba giáo đối

địch trong bốn giáo. Nếu ở Đương giáo mà luận kỹ thì mỗi thứ đều có vị, hạnh, niệm ba thứ nghĩa bất thoái, đủ như văn sau đây. Nay ước vào đại đồ dùng ba đối giáo. Người Thông giáo đoạn hoặc không đồng ở sáu độ nên vị không lui sụt. Biệt giáo xuất giả rộng tu chúng sinh nên hạnh không lui sụt. Viên giáo đoạn vô minh, nên niệm không lui sụt. Đây là bỏ phụ lấy chánh. Mỗi thứ ở ý giáo mà phối hợp ba nghĩa. “Nếu ba...” là theo giáo luận mỗi thứ. Gọi là Bạt-trí, gọi đủ là A-bệ-bạt-trí, Hán dịch là Bất thoái. Tế-la-hán, chữ Tế đọc khứ thanh. “Viên giáo...” là căn cứ sơ trụ mà nói ba bất thoái, để giản Biệt giáo thứ lớp mà được. Nếu ước không thứ lớp để nói thứ lớp ba vị bất thoái là dựa riêng mà nói. Tiếp đến quán giải. Giải thích. Ba giải thích hai câu sau. “Mười Lực...” là lại dùng mười Lực nói rõ ý văn. Vì Bồ-tát từng phần được mười Lực nên là ở Lực bậc nhất. Trì căn lực ở bậc thứ bốn. Giải thích mười Lực như pháp giới thứ đệ ở quyển sau.

Ngoài đây đủ vượt qua nhưng không đạt bậc trên thì người ở ba giáo trước đều gọi là chẳng đạt. Lại chưa tới Trụ là chẳng đạt phần Thánh là phần đạt.

Giải thích chung trong ngoài, có hai: a, Phân khoa. b, Tùy giải thích, Giải thích: Nội tâm vô úy, phước tuệ thường hiển cho đến tịnh tâm. Phước tức giải thoát, tuệ tức Bát-nhã, tự tánh tức pháp thân, lấy hai tu mà hiển một tánh. Nếu căn cứ vị mà phân biệt tuệ, tức là hiểu rõ nhân, vị ở danh tự. Phước tức là duyên nhân, vị ở quán hành tướng tự. Do hai tu này mà thành tự, nên ở bậc sơ trụ mà hiển ra. Tự tánh vốn có đủ. Đây là trước Sơ trụ gọi là tu, lên bậc Trụ gọi là chứng. Nay khen bổ xứ là nghĩa phần chứng... Song tự tánh này là tâm thanh tịnh, tức một niệm mà ba ngàn, ba đế. Không nghe thanh tịnh liền nói thuyết khác gồm cả quyền thật này, Tiêm sư nói: Không có thứ nào mà không đồng thể để trang nghiêm pháp thân, nên nói là gồm cả.

Giải thích ngoại dụng vô úy, Hai câu đầu là giải thích ngoại dụng, giải thích cùng trang nghiêm. Ngài Chiên-diên Tử nói, tức là nói nghĩa Tam tạng trăm kiếp gieo trồng tướng tốt. Dựa vào tướng chân tu, là dù thấu hiểu như hư không mà tu tướng hảo, chỉ thấy chân không, nên nói là Đế lý chưa rốt ráo. Dùng duyên tu, tức là riêng lấy Địa tiền làm duyên tu, Đẳng địa làm chân tu. Nay luận ý giáo chính là căn cứ ở Địa tiền vậy. Duyên tu là trí chướng, là hai thứ quán trí cùng dùng phá hoặc, gọi là trí. Nay so với Trung đạo thì trí lại thành hoặc. Hai trí tức là trong đó trí bị chướng, nên nói trí chướng. “Pháp hoa...” tức là tội phước căn cứ vào mười giới mà truyền luận không phải là ba đế, nên nói là thâm

đạt. Mười phương tức mười giới, mười giới chỉ tâm, ba ngàn gồm nhiếp. Như đây mà hiểu biết, nên gọi là biến chiếu “khắp biết). “Vi diệu...”, pháp thân tức là lý đạt được ở trên. Do ở trong chứng pháp thân, nên bên ngoài đủ tướng tốt. Ngài Kinh Khê nói: Ba giáo trước không phải là đệ nhất. Hơn nữa căn cứ bên đoạt nên dùng vượt tiết mà nói.

Giải thích hình sắc. Diệu sắc trống rỗng. Chân lý có nghĩa có thể thấy thì gọi là sắc. Kế giải thích hai câu. Giải thích kết thành vô úy, có hai: a, Phân khoa. b, Tùy giải thích, có hai: a', Kết ngoài: Ba lời giải trong văn giống nhân duyên là căn cứ giáo quán tâm. b', Kết trong: Không bị trong ngoài phá hoại. Trong là phiền não, ngoài là ngoại ma. Lợi thấu bốn tế, bốn tế tức là lớp Kim cang như phóng Kim cang đến bờ mé mới thôi.

Chánh nói về hóa tha, có hai: a, Phân khoa chung riêng. b, “một phóng...” là tùy văn giải nghĩa, Phóng quang nói pháp nói về hóa tha. Trước phóng quang nói pháp; phóng quang, tức thường bố thí..., là nói năm thứ kia. Vì kinh ấy phóng sáu Độ để phá sáu tế. Nay văn lược bỏ, dẫn phóng ánh sáng Đản độ. Kinh Tư Ích ấy cho đến nói rằng: Ánh sáng hay giải thoát. Phật dùng ánh sáng này có thể khiến chúng sinh ngu si đều được trí tuệ. Nói pháp. Cam lồ thì Bạch Hổ Thông nói đó là rượu trời. Tiếp giải thích khen. Tùy ý hay đến, giống như nội phạm có tác ý mới đến, không như phần chân mặc tình khắp đến.

Giải thích thành, có hai: a, Phân khoa. b, Tùy giải thích, Khen đức trí giải thích thành, Nêu ý. “Duyên khởi...” là chánh giải thích. Trong văn, trước căn cứ chánh báo, kế căn cứ y báo. Văn đầu, sinh tử duyên khởi, tức chín giới nhiễm duyên khởi. Giải thoát duyên khởi tức là Phật giới tịnh duyên khởi. Thâm nhập sinh tử duyên khởi tức thành Phật pháp duyên khởi, là đạt chín giới tức Phật giới, vì mười giới chỉ là tâm. Kinh Pháp hoa nói Phật chủng có từ duyên khởi, tức nay thâm nhập mà gọi vậy.

“Không phải chỉ...” là nói về y báo. “Vì thâm nhập...” là kết về y chánh báo trên. Thấu suốt y chánh mười giới chỉ là tâm, nên gọi thâm nhập.

Khen Đoạn đức giải thích thành, có hai: a, Nói ý. b, “tà kiến...” là chánh giải thích, có hai: a', Giải thích tà kiến hai biên, có hai: a”, căn cứ nội ngoại giới. Sáu mươi hai kiến đến hữu vô, một ấm khởi bốn kiến, thì năm ấm thành hai mươi kiến, ba đời thì thành sáu mươi kiến. Cốt yếu ở chỗ quy về không ngoài hai thứ đoạn, thường nên nói đều thuộc hữu vô. Tiếp, căn cứ ba đế. Giải thích các dư tập, có hai: Giải nghĩa dẫn chứng,

có hai: Giải nghĩa: Cũng có tập ở đây. Đây là nguyên phẩm vô minh gọi là dư tập, tức chỗ đoạn của hậu tâm Đẳng giác. Nhập trùng huyền môn tức lại nói việc trước vi diệu, nên nói là trùng huyền. Nên câu dưới nói: Trùng tu phạm sự, tức là tu lại khiến cho được diệu. Mười hạnh đã tu, nay sắp đến chỗ rốt ráo mà lại tu lại. Có việc như khói mỏng, tức là các tập hữu dư pháp tánh, như làn khói mỏng của Thái hư, không phải mây nặng mịt mờ. Soi xét ít như dư tập, Sông lớn như pháp tánh. “Cho nên đại...” là dẫn chứng. “thường đồ...” là chê quấy hiển bày phải, Chê lỗi người khác, Chung. “hỏi...” là bày lỗi. “ưu...” là nêu bày phải. Địa thứ chín đoạn hết kiến tập... chướng lý gọi là kiến, nhuận sinh gọi là ái. Đây chỉ là ước một hoặc mà có hai tên này “ái kiến). Mà phân hai Địa để đoạn, tức cũng ở chánh phụ mà nói, lại là mượn dùng nghĩa riêng.

Chánh nói pháp hóa tha, có hai: a, Phân khoa. b, Tùy giải thích, Khen hóa tha thành tựu, có hai: Dụ nói quyết định tức là diệt ác. Hương tượng là loài thú. Phi là loài chim. “Không phải chỉ...” là ngoại ma hợp dụ với thú, các chúng sinh hợp dụ với chim. Không sợ hợp là bất úy. “Cũng khiến...” là ngoại ma hợp dụ với Hương tượng. Cao tâm hợp với phi, tức là các chúng sinh có cao tâm “tâm vươn cao). Tiếp dẫn là dụ sinh thiện, tức sinh thiện quyền thật. Dưới có nói: ba cỏ, hai cây là quyền, một đất là Thật. Bốn thứ Pháp sư, Tiêm sư bảo Đại luận quyển năm bình về bốn pháp. Sư có kệ rằng:

*1, Đa văn biện tuệ khéo nói năng
Nói khéo các pháp chuyển tâm người
Tự không như pháp, hạnh không chánh
Ví như mây sấm mà không mưa.*

*2, Học rộng đa văn có trí tuệ
Âm ừ nói vụng không khéo léo
Không thể hiển sáng pháp Bảo tạng
Ví như có sấm mà mưa nhỏ.*

*3, Không rộng học vẫn không trí tuệ
Không thể nói pháp, không hạnh tốt
Là Pháp sư xấu, không hổ thẹn
Ví như mây ít, không sấm mưa.*

*4, Đa văn trí rộng khéo nói năng
Nói khéo các pháp chuyển tâm người*

*hành pháp tâm chánh, không sợ sệt
Mây dày sấm sét, mưa vẫn vũ.*

Ý kệ xem đa văn học giỏi như mây, nói pháp như sấm sét, hạnh tốt như mưa. Nay lấy sấm dụ cho đa văn là theo tiện lợi mà nêu. Sấm làm loài trùng trập kinh sợ. Kinh điển Thích văn nói: Sâu trốn mùa đông gọi là trập . Tám âm:

1. Rất hay.
2. Dịu dàng.
3. Hòa thích.
4. Tôn tuệ.
5. Không nữ tính.
6. Không lằm.
7. Sâu xa.
8. Không dứt.

Tám âm như sấm, nên nói sấm rền tám âm làm kinh động hai biên đến loài sâu trập, tức chấp có chấp không, như loài trùng trốn mùa đông. Pháp lồi kinh động khiến bỏ hai đấm trước. Nên nói làm kinh sợ loài trập. Ba giống cỏ, thì trời người là loài cỏ nhỏ, Nhị thừa là loài cỏ vừa, Lục độ là loài cỏ cao cấp. Hai giống cây, cây nhỏ là Thông Bồ-tát, cây lớn là Biệt Bồ-tát. Bảy hạng người thì sở chấp không lìa hai biên, suy ra ắt hiểu.

Tổng khen công đức hóa tha. Đã vượt quá mức suy lường. Ngài Kinh Khê nói: Trùng hiển vô lượng. Trước tuy căn cứ ở sở hóa, mà nay lại căn cứ năng hóa. Tấn tu pháp môn hóa tha. Sức bỏ lại nhập, ngài Kinh Khê nói có sức nhập dưới, nên nói là nhập lực. Bỏ cái được xưa cần nhập vào hạ vị là hạ pháp môn tức lý hai đế, ba đế của mười pháp giới, tức dùng đế mà nhiếp giới nghĩa có chung riêng. Chung thì mười giới đều không, giả, trung. Riêng thì chín giới là tục, Phật giới là chân, đây là hai đế. Sáu giới là tục, Nhị thừa là chân, Bồ-tát song chiếu, Phật giới tức Trung. Lại sáu giới chung làm cảnh bốn Thánh, tức là pháp nhân duyên sinh. Nhị thừa tức không, Bồ-tát tức giả, Phật giới tức Trung. Đây là ba đế. Hai và ba này hoặc chung hoặc riêng chỉ là một tâm, nên nói là thậm thâm.

Khen đức tiếp cận quả, có hai: a, Phân khoa chung riêng. b, “nhất tổng...” là tùy văn giải nghĩa, Khen tự hành, Khen trí đức, Chung, căn cứ Phật lý mà giải thích nghĩa vô đẳng đẳng, có hai: căn cứ Phật mà giải thích người không sánh bằng tức người siêu. Nay bình đẳng với chư Phật, đây là nói cực quả tất cả đều đồng nhau. Nhưng hậu tâm Bồ-tát

là gần. Nay lại giải thích nghĩa vô đẳng đẳng. Nghĩa gần ở dưới căn cứ vị mà hiển. Căn cứ lý mà giải thích. Giải thích trước y cứ vào người và vị ngang nhau gọi là đẳng. Giải thích này ước vào trí ngang nhau gọi là đẳng. Giải thích trước là tự tha đối nhau, còn giải thích này thì lý trí đối nhau.

“Lại nếu...” là ước vị mà chọn, hiển bày nghĩa gần, “Căn cứ ...” là vị không phải gần. 2. “kim...” là hiển bày Đẳng giác là gần, Dựa thẳng vào Viên giáo. “nếu...” là truyền căn cứ ở bốn giáo. Ở ba giáo trước, Kim tâm Bồ-tát nhìn vào quả của Đương giáo, căn cứ Phật và lý đều được tên gần. Nhìn vào Viên đều xa, chỉ như Kim tâm của Biệt giáo mới đoạn mười một phẩm, chỗ chưa đoạn còn nhiều, đâu được gọi gần. Bốn giáo y cứ hoặc truyền mà so sánh. Dưới có lời Sở tự luận nên nói là có thể biết. Tiếp nói riêng, Chung tức nhân duyên mà giải thích. Đại luận có hai giải thích nay thử tìm hiểu: Bồ-tát là chân nhân, Phật là chân quả. Pháp nhân quả khác nhau, nên nói: Có vô úy đẳng thì Bồ-tát là phần quả, Phật là cực quả. Nghĩa quả đã đồng, nên nói phần được Phật lực mà đồng thể nên biết. Chân nhân phần quả theo tả hữu mà gọi, hai lời giải có khác nhưng một ý luôn đồng.

Giải thích riêng, tức y cứ giáo. Hai cái đầu là chánh giải thích riêng lập tên giáo. Tiêm sư nói: Trong Tỳ-đàm lập tên mười Lực cùng Đại luận giống nhau. Nếu nói mười tám pháp Bất cộng, là chỉ lấy bốn Vô úy, đại Bi, ba niệm thêm mười Lực, thành mười tám pháp. Do đó đại luận đã phá bỏ. “Nay chỉ...” là ngài Kinh Khê nói: Tên đồng mà nghĩa khác, vì dựa vào Đế không đồng. Đây y cứ bốn giáo để nói phần đặc, nhưng vẫn hiển bày nghĩa vô đẳng đẳng trước nói truyền nhau có thể biết, bởi thấy điều này vậy. “Giáo trước...” là kết bày. Tiếp khen đoạn đức. Vô vi ác thú, trái nghịch Trung đạo gọi là đường ác. Kinh nói người cúng dường cho ông phải đọa vào ba đường ác, là nghĩa này.

Khen hóa tha. Hoặc khai trừ Tu-la, vì Tu-la thuộc thú quỷ súc nên chỉ có năm đạo. Mang kết nguyện sinh, Tiêm sư nói là tạng giáo Bồ-tát chưa đoạn hết hoặc, phàm người nguyện sinh thì đều bỏ đây sinh kia. Nếu dùng thần thông thì thân ở chỗ cũ mà hiện thân ở cõi kia. Nguyện mang dư tập, vì tập là hạt giống khiến vào sinh tử, thế nguyện mang nó để thọ thân lợi vật. Đây không phải như gương hiện ảnh mà mặc tình chân hóa. Cũng ở các cõi ngoại giới, tức phương tiện Thật báo vậy. Chung giải thích thành, là tuy không có cái lợi nhập vào Đệ nhất nghĩa. Tạng, Thông hai giáo tuy có nhập lý nhưng sánh ngang phần chứng Biệt Viên thì đều gồm thấu ba Tất-đàn. Nếu ước Viên vị, nói bốn Tất-đàn,

thì Hoan hỷ ở tại danh tự, sinh thiện ở tại quán hành, phá ác ở tại tương tự, Nhập lý ở tại phần chân. Cũng có thể mỗi thứ ước vào đương giáo để luận. Tuy không nhập lý mà nhận được ba lợi ích.

Kết thành khen đức, có hai: a) Kết giải thích trên, trong đó phá xưa như lời sơ trước. b) “Lại giải...” là rộng giải thích tên liên hệ bốn quả, Đoán bày, Chánh nêu ý kinh. “nếu căn cứ ...” là gồm bày nghĩa môn. Đủ biết Đại huống, là các Bồ-tát đều do ba quán quán tâm mà được phần quả, đã nội chứng khắp Viên, nên hay thuận với bốn cơ ấy mà nói giáo lợi vật, tuy không ước giáo nghĩa mà tự có thể biết. Nên hiểu rõ quán tâm, thì gọi là biết Đại “Đẳng...” là tùy giải thích, có hai: Theo tên giải nghĩa, có hai: Rộng giải ba tên, có hai: Chánh giải hiện văn, có hai: Dùng ba quán để giải thích tên. Ngài Kinh Khê nói: Ba Bồ-tát trước có thể đối ba quán, thứ lớp thuộc đối cũng có thể thấy. Thể dụng hợp luận, thì thể tức là đẳng, dụng tức bất đẳng, thể dụng không hai, gọi đẳng bất đẳng. Hai thứ trước là thể dụng luận riêng. Thật ra là luận ba người thể dụng đều đẳng. Tùy thuận vật cơ mà được gọi không một mà tức một, một người đều đủ đức của năm mươi một người.

Tiếp căn cứ sáu tức, phán quyết ngôi vị, có hai: a, Chánh nói sáu tức, có ba: a, Nêu ý, vì nghĩa viên để sinh lạm dụng nên cần phân biệt sáu ngôi vị. b, “tất cả...” là nói nếu quán Trung đạo... là mới tu quán hành, vẫn còn là vị danh tự, nếu tu quán hành thành tựu rồi, năm phen khai phát thì mới là người ở vị quán hành. “Đây...” là kết ý: “Hai thứ không được...” là răn ác khuyên tin. Trước là răn ác: Nêu xem mình ngang Phật thì việc giết hại chính giải là Bồ-tát Chiên-đà-la. “Nếu không...” là khuyên tin. Nếu không chịu quán tâm tức Phật là chẳng tin hiểu kinh, vì trong các kinh Liễu nghĩa đều nói: Phiền não tức Bồ-đề, tức chúng sinh tức Phật... nên văn này nêu sáu nghĩa răn ác khiến không tăng thượng mạn. Nêu nghĩa “Tức” để khuyên tin khiến khỏi tủi hổ thân. “Bỏ hai thứ sau...”, sau chỉ nghĩa dụng. “Định tự...” là lược giải các tên. Ngài Kinh Khê nói: Trước đã ba người hợp làm một mà giải thích. Sau đây là bốn mươi chín người có nhiều gấp bội, hai cách hợp hoặc ba lẽ. Nay văn này là muốn tất cả đều thành quán, nên không làm đối nhau. Gọi là thượng định, nghĩa là trong mười thông tâm thì định số gọi là hạ định, căn bản thiền gọi là trung định, Thủ lăng nghiêm gọi là Thượng định. Nay quán tâm tánh gọi là Thủ lăng nghiêm nên gọi là Thượng định. “được thứ này...” tức là quán tâm tánh ba đế tam thiên, tự tha cùng khắp, tâm, Phật và chúng sinh ba thứ không sai khác. Nên nói đối tất cả các pháp tức được tự tại. Nghĩa Viên cũng thông đây mà giải

thích Bồ-tát nhất định ở phần chân.

“Quang tướng...”, ngài Kinh Khê nói: Quang tướng... ba thứ, năng sở đối nhau. Quang tướng tức là thể để trang nghiêm. Quang nghiêm là cái dụng năng nghiêm, đại nghiêm là năng sở đối nhau. Tuy nói năng sở tất cả đều quán đủ. Các thứ sau cũng đều thế, nên biết ngài Kinh Khê vả đã chỉ rõ thật tướng, nên nói là thể sở nghiêm. Nếu dựa vào tuệ quang năng hiển thì nó cũng thuộc năng nghiêm.

“Bảo Tích...”, là ngài Kinh Khê nói Bảo Tích là thể, biện tích là dụng. Bảo là dựa vào dụ, biện căn cứ pháp.

“Bảo Thủ...”: Quán tâm thành tựu thì quán tâm là ở trụ tiền, thành tựu tức là phần chứng. Tức do chưa đến vị Trụ (Trụ tiền) quán tâm mà được phần quả. “Tức đủ...” là Phần chân hai trí, để dụ với hai tay. Đây là nói cảnh thường phát trí. Tức tay quán trí, đây là nói cảnh cùng trí ngầm thông. Thương xót chúng sinh, là thương họ hôn mê không biết tự tánh. Như Lai tàng, là tâm đủ tam thiên, gọi là tạng. Mừng lớn khắp tâm, là do thấu suốt lẽ bốn cụ nên khắp mừng. Thấy các Pháp bảo, bảo là thật tướng. Hay ở sinh tử mà mạnh mẽ, tức là thấu suốt sinh tử tức Niết-bàn, nên ở trong sinh tử mà không khiếm sợ. Đế vông thì từ lý mà khởi giáo, rõ vông thì từ lý mà khởi trí, nói bày trí là do giáo, nên giáo trước trí sau. Tuy mỗi thứ có một nghĩa, nhưng chúng thật chung nhau.

“Chánh quán ba đế đến thành lười”, là vô lượng các pháp tức bốn môn bốn giáo, các môn đều đủ Tất-đàn, hoặc tín hoặc pháp, dọc suốt ba đời, ngang ước mười phương, đều từ quán tâm ba đế mà có. Cho nên nói: Đầy đủ vô lượng đẳng. Lười các phiền não thì tự dùng phá các hoặc và các chúng sinh, thì dùng dây mà hóa tha. Lười trí sáng suốt, là từ cảnh mà phát trí, tự tha đồng trước. Diệu sinh, là từ trí đoạn mà lập tên, các pháp đoạn dứt, không sinh mà Bát-nhã sinh trí. Khiến tướng một chỗ, tức là có sự có lý chuyên quán tâm mạch chỉ ở một chỗ. Buộc duyên với lý thật tướng vào một chỗ. Nay văn ước lý không gì hơn, là trí hai biên không thể thắng lý thật tướng. Cởi lấy viên minh châu ở búi tóc, thì châu ở búi tóc là trong như thật mà ẩn quyền đưa châu trong búi tóc ra, thì như khai quyền hiển bày thật. Đem cho là quyền trí. Đem pháp trao cho người khác gọi là quyền trí. Kinh nói Pháp vương tử, thì Quán Kinh Số nói: Dùng pháp hóa độ người thì gọi là Pháp vương tử. Đây là ngài Văn-thù. Từ Tự hành đặt tên là Pháp vương tử. Đem hóa tha mà hiển xứng. Đại luận quyển ba mươi hai nói: Phật là Pháp vương, Bồ-tát nhập pháp chánh vị cho đến Thập địa nên đều gọi là Vương tử, đều sẽ được làm Phật, như ngài Văn-thù-sư-lợi.

“Như thế...” là kết ý giải nghi, Kết ý, tâm. Một người đều đủ tất cả quán môn, là vì các Bồ-tát đều hiển sáng một niệm là lý tam thiên ba đế, tuy quán môn vô lượng há lia tam thiên, hướng là tự tha dung nhau, năng sở không hai. Cho nên biết tùy một người tức đủ các đức. Nội đức đã đặng thì ngoại sự đều dung. Do đó mà danh tự nói năng, hiện thân nói pháp, thấy đều bằng nhau. Cho nên nói: Tức tự đặng cho đến pháp đặng. Nhưng vì dẫn vật quy tâm nên giấu kín viên, mà đều bày ra một đức, dùng để lập tên mà thôi. Nói tự đặng, ngữ đặng... đây là văn của Đại phẩm. Kinh ấy nói bốn mươi hai tự môn, môn môn đều dung nhau, nên nói là “đặng”. Ngài Nam Nhạc giải rằng: Nói tự đặng, nghĩa là pháp tuệ nói mười trụ. Thập phương nói mười trụ, đều gọi là pháp tuệ. Cho đến Kim cang tàng cũng như thế. Nói ngữ đặng, là mười phương chư Phật nói mười trụ cùng pháp tuệ nói đặng. Cho đến mười Địa cũng như thế. Lại tất cả tự đều là không tự mà thường làm tất cả tự, đó gọi là tự đặng. Phát ngôn không hai, gọi là ngữ đặng. Tất cả các pháp đều ở chung lẫn nhau, nên nói các Tự nhập môn đặng. Trước là sự giải, kế là lý giải: “hay như...” là kết bày phạm tâm hay thấy, Là nói tu quán thì có khả năng thấy. Hiểu như thế, tức nếu biết tâm mình là tam thiên khắp chung nhau. Tâm Phật, chúng sinh ba thứ không sai khác thì tâm mình không động, mà khắp thấy các Thánh. Đâu chỉ thấy Thánh, mà cũng hay thấy phạm. Vì mỗi mỗi chúng sinh đều đủ lý này. Chư Phật Bồ-tát, thì Phật là cực Thánh, Bồ-tát là phần Thánh, phần và cực tuy khác, nhưng lý tam thiên đều đặng. Ta là phạm kia là Thánh, nhưng lý nào khác. Cho nên đối tâm phạm tức Thánh cảnh. Nếu thế, thì đâu chỉ thấy ngang tha Thánh ở hiện tại, mà hay dọc thấy tự Thánh ở vị lai, vì tự tha, nhân quả đều tam thiên gồm nhiếp. Mượn lời phân tích thử nên chăng? Nếu ôm ấp mãi một khi hiểu rõ tánh rồi thì các pháp tự sáng, chỉ tin một nhà mà không tin các thuyết khác. Chất đại tô diệu ngộ đâu phải là luống dối ư?

“Cho nên pháp...” là dẫn kinh để chứng thành. Tin điều ông nói là Pháp bảo, thì thấy ta là Phật bảo, cũng lại thấy các ông và các Tỳ-kheo... là Tăng bảo. Đây là một tâm thấy đồng thể Tam bảo. Nay dẫn điều này để chứng tỏ trong quán tâm thì thấy chư Phật và Bồ-tát. “Hoa Nghiêm...” là nói lý ba thân đặng chứng, ý đồng với trước.

Giải nghi, Nghi hỏi. Đáp giải thích, Trước dẫn kinh chánh đáp. “nếu chấp...” là chê chấp nêu lỗi: Chấp văn tự như đeo đá, chìm sinh tử như nhảy xuống vực sâu, buông lung hôn tình như dạo chơi trong đêm tối, bỏ quán tâm như tắt đuốc.

Tiếp, tổng kết, có hai: a) Chánh nêu. b) hỏi...” là gồm chọn vị. Cao thấp khó lường, là tuy không thể chấp nhất định, nhưng số văn giải thích thì phần lớn là ước bổ xứ.

Nói tạp chúng, Tổng nêu, giải thích tên, có hai: a+, Nêu bày. “Trong đây...” giải thích tên. “Hai thứ này có...” là hiển bày quyền thật, có hai: Tổng nêu, chỉ quyền thật hai người. Thật tùy nghiệp sinh, là tùy nghiệp thiện ác mà thọ sinh vào năm đường. “Thứ đẳng...” là riêng khai thừa giới bốn trường hợp, Nêu bày dẫn kinh: Nay phụ Đại kinh là ngài Kinh Khê nói: Đó chỉ một câu đã nêu cái hơn để so với kém. Nay phụ một câu ly làm bốn câu. “giải...” là phụ kinh giải nghĩa, có hai: Nêu lệ bốn câu (trường hợp). “Nhược thông...” là phán quyết giải thích thừa giới, có hai: Căn cứ ở luận chung thì nghĩa đồng. Nói luận chung là phạm giới thì lấy phòng ngừa ngăn chặn làm nghĩa, còn thừa thì lấy vận chuyển ra vào làm tên. Lý sự đều có nghĩa phòng ngừa ngăn chặn. Thế nên trước từ không thiếu sót, sau là sang bờ kia gọi chung là giới. Lý sự đều có nghĩa chuyên chở ra. Thế nên trước từ nhân thiên, cuối là Phật thừa, gọi chung là thừa. “Tất cả...” là chính chỉ nghĩa chung pháp lành làm lành riêng chỉ có giới. Nay ước nghĩa chung cũng được gọi là thừa. Quán hành lý thiện thì riêng chỉ là thừa, nay ước nghĩa chung cũng được gọi là giới, nên nói đều chung cả thừa giới. Đối với riêng mà phán quyết thì thể khác, Bày tướng: Nghe kinh sinh hiểu thì là tín hành; Quán trí suy tìm thì là pháp hành. b, “Cố đại...” là dẫn chứng. Không động không xuất, là không động phiền não, không ra khỏi sinh tử. “Chỉ giới...” là kết bày hai thứ. “Nay là...” là giải thích riêng, Tùy giải thích, Huyền giải thích, nêu chương. Ngài Kinh Khê nói: Phân làm bảy môn mà giải thích, là sáu thứ sau tuy khác, nhưng không thứ nào là không thành thừa giới đầu tiên. Đó gọi là tín pháp của thừa giới cho đến tự tha của thừa giới. Cũng có thể gọi là thừa giới của tín pháp, thừa giới của tự tha. Trong năm thứ kia lần lượt mà luận lẫn nhau. Nếu muốn sinh khởi bảy môn này, thì trước là thành căn lập đủ thừa giới. Để thành thừa giới thì phải khai tín pháp. Lại do tín và pháp có chủng tử riêng, nên cảm với hai thừa Đại Tiểu không đồng nhau. Do thừa Đại Tiểu mà có Tiệm Đốn, giáo hóa hay tiếp dẫn người thì cần phải tùy ứng tích, để thành việc hóa độ thì cần phải bày quán tâm và vì quán tâm nên hóa vật cơ được thuần thực.

Tùy giải thích, có bảy: 1. Gặp Phật không đồng, có hai: a) Nêu chỉ. b) “Một giới...” là chánh giải thích. Bà Tẩu đến là kinh ấy quyền một có nói: Kinh ấy Bà Tẩu từ địa ngục thoát ra, đem chín mươi hai ức

tội nhân đến thế giới Ta-bà, mười phương cũng thế. Bấy giờ ngài Văn-thù bảo ngài Xá-lợi-phất rằng: Các tội nhân này từ khi Phật chưa ra đời, đã tạo các hạnh bất thiện, đã trải đọa địa ngục. Nhân đức hoa tụ phóng ánh sáng lớn và nhờ ánh sáng ấy mà từ ngục A-tỳ thoát ra. Ngài Xá-lợi-phất nói: Từ lâu tôi nghe Phật nói Tiên Bà Tẩu này đã tạo hạnh bất thiện mà đọa địa ngục, nay vì sao lại nói từ địa ngục ra mà được gặp Như Lai. Đức Phật bảo: Vì muốn phá chấp nhất định phải thọ quả báo tất cả chúng sinh. Nay thiện nam! Chớ cho Bà Tẩu là người địa ngục. Vì sao? Vì Bà là trời, Tẩu là Tuệ. Vì sao người trời Tuệ lại chịu khổ địa ngục. Lại Bà là rộng, Tẩu là thông, rộng thông tất cả, trụ rốt ráo lại ở địa ngục chịu khổ, không thể nào có việc này được. Lại Bà là Cao, Tẩu là Diệu; Bà là Đoạn, tẩu là Trí; Bà là cứng, Tẩu là mềm; Bà là Từ, Tẩu là Bi... rộng như câu đầu. Kinh vẫn nói rộng giết dê là duyên đầu tiên. Nên biết Bà Tẩu là quyền nhân, nhưng quyền tất dẫn đến thật. Cho nên biết là người thừa gặp giới chậm. “Hỏi ba...” đây là y cứ ba ác, là một trong tám nạn, vì sao lại được đọa? Như Xá-vệ..., là Đại luận quyển bốn nói: Xá-vệ có chín ức người, có ba tinh xá Phật, vì muốn báo ân đất nơi mình sinh ra nên thường ở tại Xá-vệ. Nhưng trong số chín ức người ấy chỉ có ba ức người là thấy Phật nghe pháp. Kỳ dư sáu ức người kia như lời sơ đã nêu, đều do thừa chậm, nên không được nghe kinh. “Chu thời...”, tức đời Cơ Chu thứ mười sáu, chúa Trang Vương là Thu, năm thứ mười, tức là Lỗ Xuân Thu, đời Trang Công thứ bảy, mùa Hạ tháng tư đêm Tân Mão, sao Hằng biến mất. Đêm ấy sao sa như mưa. Xét đây thì chính là lúc Như Lai sinh ra ở vương cung, mà cõi này chỉ thấy điềm lành chứ không thấy Phật, không nghe Phật nói há không phải là thừa chậm sao? Nói sao sa như mưa, thì kinh Xuân Thu có nói: Trang Vương năm thứ bảy, mùa Hạ tháng bốn ngày Tân Mão, đêm không thấy hằng tinh, giữa đêm sao sa như mưa. Đỗ Dự chú rằng: Hằng là thường, nghĩa là sao thường thấy, năm Tân Mão, tháng bốn ngày mồng năm, ánh trăng yếu ớt, mặt trời chưa lặn hẳn, như mặt người. Nửa đêm bên có mây sao rơi như mưa rất nhiều đều ghi khác nhau. Mặt trời chưa lặn hẳn, hằng tinh không thấy mà nói nửa đêm là do đồng hồ mà biết. Tả Truyện có nói: Mùa Hạ, Hằng tinh không thấy, đêm sáng, sao rơi như mưa và mưa rơi trên thềm. Các bậc Tiên hiền truy tìm năm sinh của Phật lại có sai lệch. Theo truyện Pháp hiển suy tìm lúc Phật sinh, thì vào đời nhà Ân, năm Võ Ất thứ hai mươi sáu “Giáp Ngọ) theo lời Pháp Thương đáp lời hỏi của nước Cao Cú Lệ thì đúng vào thời tiền Chu chúa thứ năm là Chiêu Vương Hà, năm thứ hai mươi bốn Giáp Dần, dẫn Mục

Thiên Tử Biệt Truyện làm chứng, xưng con của Hà là Mãn, miếu hiệu là Mục vương, nghe Phật ra đời ở Ca-duy bèn sang Tây Trúc mà không trở về. Dựa vào Tượng Chánh ký thì đúng là thời Tiền Chu, chúa thứ mười bảy là Bình Vương Nghi Cự, năm thứ bốn mươi tám Mậu Ngọ. Nếu dựa vào ngài Đạo An thời hậu Chu đã dùng niên kỷ của ngài La-thập và lời minh trong trụ đá thì đúng vào thời tiền Chu, chúa thứ mười tám là Hằng Vương Lâm, năm thứ năm Ất Sửu. Dựa vào Triệu Bá Hưu đời Lương, năm Đại Chu thứ nhất, ở Lô sơn gặp ngài Luật sư Hoàng Độ được Bộ Phật Diệt Hậu Chúng Thánh Điển Ký thì suy ra năm Phật sinh đúng vào thời tiền Chu, chúa thứ hai mươi chín là Lương Định Vương Lương, năm thứ hai “Giáp Tuất). Lại Bộ Cảm Thông truyện có nói: Phật ra đời vào đời Hạ Kiệt. Theo Phiên kinh học sĩ Phí Trường Phòng nói: Nay căn cứ vào các kinh Phổ Diệu, Bốn Hạnh... lại tra cứu về Lỗ sử, thì đúng ngày tám tháng tư niên hiệu Trang Vương năm thứ chín “Quý Tỵ) Phật hiện hình Bạch tượng, từ trời Đâu-suất giáng thân vào hông hữu của Ma-gia đệ nhất phu nhân của Tịnh Phạn Đại vương tại thành Ca-tỳ-la nước Trung Thiên Trúc. Năm thứ mười Trọng Xuân, đêm mùng tám tháng hai vào giờ Quỷ Tú, tại gốc cây Ba-la trong vườn Lâm-tỳ, Phật từ hông hữu sinh ra hình tượng khôì ngô. Nên kinh Phổ Diệu nói: Phóng đại quang minh chiếu khắp tam thiên giới. Đây tức là việc Tả Truyện nói: “Hằng tinh không hiện, đêm sáng”. Kinh Thụy Ứng nói: Phát tinh giáng hạ hầu Thái tử sinh. Nên Tả Truyện nói sao sa như mưa. Kinh Bốn Hạnh nói: Hư không không mây tự nhiên có mưa. Đỗ Thị chú giải: Bởi lúc ấy chẳng có mây. Tả Truyện lại nói: Có mưa trên thêm. Song theo lịch Cơ Chu thì tháng mười một là tháng giêng. Nay nói tháng tư thì tức là tháng hai “Cơ Chu). Nói ngày năm Tân Mão theo Lỗ Sử là sai. Ngài Sa-môn Đạo An làm Nhị giáo luận dùng lịch Cơ Chu mà suy lại thì nhầm ngày tám, chỉ lấy lúc sinh làm năm thành đạo, bèn khiến đời Phật cách xa ba mươi năm. Đến năm Canh Tý đời Hy Vương thứ nhất, Phật bảy tuổi ngồi xe dê đi học, năm Quý Mão đời Hy Vương thứ tư, Phật mười tuổi, ngài cùng các bạn trang lứa dòng họ Thích tranh tài. Đời Tuệ Vương năm thứ ba “Đinh Mùi) Phật mười bốn tuổi, xin vua cha dạo chơi đến cửa Đông thấy người bệnh rồi trở về. Năm Tuệ Vương thứ sáu, ngài mười bảy tuổi cưới vợ là Cầu-di. Năm Tuệ Vương thứ tám “Nhâm Tý) ngài mười chín tuổi, nửa đêm ngày tám tháng bốn, ngài vượt thành xuất gia. Năm Tuệ Vương mười chín “Quý Hợi) ngài ba mươi tuổi, ngày tám tháng hai khi sao Mai mới mọc ngài sáng suốt giác ngộ thành đạo Vô thượng. Suốt bốn mươi chín năm ở đời

nói pháp, cảm duyên của chúng sinh đã hết. Vào đời Khuông Vương năm thứ tư (Nhâm Tý) vào khuya ngày rằm tháng hai, ngài nhập Niết-bàn tại thành Câu-thi-na ở nước Trung Thiên Trúc. Trong khi Phật hưng thịnh thì chúng sinh cõi này đều không nghe thấy. Giới gấp thừa chậm là ở đây. Phật nhập Niết-bàn đến nay là nhà Đại Tống, năm Đại Trung Tường Phù thứ tám (Ất Mão) đã được một ngàn sáu trăm sáu mươi một năm. Nay lấy thời Phật sinh là đời Trang vương và thời Phật nhập diệt là đời Khuông Vương làm nhất định. Đây là theo Phí Trường Phòng và số văn của Đại sư Trí Giả thì không lấy niên đại các nhà khác. Lại bộ Văn Tuyển đời Nam Tề của Vương Giản Thê nói ở chùa Đầu-đà có bia đề rằng: Hai vua Trang đời Chu và Lỗ nêu gương đêm sáng, hai vua Minh Hán Tấn đều sai người vẽ nét đan thanh. Lấy đây mà xét thì Giản Thê và ngài Trí Giả đều cho Phật sinh vào đời Trang Vương nhà Chu, chỉ không phải chỉ riêng có Trường Phòng. Nếu thế thì đời tượng pháp chỉ còn ba trăm ba mươi chín năm, vì tượng pháp chỉ có một ngàn năm. Chuẩn theo giáo tam tạng và luật Thiện Kiến có nói: Vì sao Phật không độ người nữ, là vì kính pháp. Chánh pháp một ngàn năm, nếu độ người nữ thì giảm còn năm trăm năm, khi Phật đặt ra việc tu Bát kính nên trở lại một ngàn năm. Sau đó tượng pháp cũng một ngàn năm và mạt pháp một vạn năm. Năm ngàn năm đầu thì mười người học có ba người đạt trí và đều được bốn quả. Ngàn năm thứ sáu...” thì học không được đạo, sau một vạn năm đó thì kinh điển văn tự, tự nhiên biến mất, chỉ còn cạo đầu và mặc áo ca-sa mà thôi. Thời chánh pháp Đại thừa vị rất thuận. Đến thời tượng pháp thì vị giảm sút, đạ bạc. Qua đời mạt pháp thì không còn Đại thừa. Kể tôi đòi xuất gia làm ô nhiễm Phạm hạnh. Vua bạo ác trị đời đánh thuế Tăng Ni. Nay chưa đến như thế vì còn ở thời tượng pháp. Các thời kỳ năm tháng này kẻ hậu học cần biết. Kể đến với đạo cần xem kỹ không nệ quá nhiều.

Là căn tánh hàng tin pháp đều là người rất chí thành nghe pháp là nói giống dòng tín hành, tức ặc Chí nhân là nói giống dòng pháp hành. Ất cần phải làm thiện, tức khiến tốt ý Phật. Pháp hành không phải loại thượng mạn, tín hành không phải nhóm đức bạc. Nhưng trong ký thì ngài Kinh Khê lại riêng răn dè hàng tín hành, đâu không phải chính vì bọn ta mà dạy dỗ. Nên ngài Kinh Khê nói: Đã nói là chủng “giống), thì chủng có sáng tối. Nếu dẫn chứng chủng xa, như trong đạo súc sinh lâu xa nghe một câu còn được làm nhân, huống là được nghe giảng nói pháp ư? Cho nên biết ý Phật không chỉ khiến nghe rồi nói rồi thì đứng chấp tay ngay ngăn đợi phát. Nếu như thế tức tinh tấn là vô ích. Hẳn là

muốn gieo Phật chủng cho họ khiến từng phần khởi hành, cho nên làm Bồ-tát, nên làm lợi tha, nên chế phục phiền não, nên tùy chiếu liễu, nên chán sinh tử, nên hiểu rõ văn tự, nên xa quyến thuộc, nên làm thừa gấp, nên làm đều gấp, nên không mong cầu, nên không mời bè bạn, nên cầu gia bị, nên khen thuyết khác, nên lìa tạp ngữ, nên bỏ cười giỡn, nên bỏ như thế... hai mươi pháp. Đã tóm tắt những gì có thể dẫn chứng về tín hành thừa chủng. Nếu không thế thì muốn gieo trồng Phật chủng thật khó.

Căn tánh Đại Tiểu, lợi độn là khác, tức pháp hành thì lợi, tín hành thì độn hoặc xen nhau lợi độn.

Căn Tánh Đốn Tiệm, có hai: a, Nêu chương. b, Giải nghĩa, Chánh giải thích, có hai: Chánh nói, có hai. Đốn Đại. Bảy chỗ tám hội, tức gặp lại ở điện Phổ quang minh, nhà Đường dịch gọi Tân kinh thì có chín hội, vì ba hội ở điện Phổ quang minh. Còn Đại sư chỉ thấy bản dịch cũ nên nói là tám hội. Hoặc nếu có nói là chín là do người sau đổi sửa lại. “Ví như...” mặt trời là dụ cho Phật, chiếu là dụ nói pháp, núi cao là dụ cơ Biệt Viên. Đến các loài rồng, quỷ... đầy đủ như trong văn Hoa Nghiêm nêu về chúng. “Kể nói...” phàm nói pháp hành thì nghe ít mà hiểu nhiều, không phải hoàn toàn là không nghe. Đại Tiểu đều thế. Tiệm Đại, chánh giải thích: Được nghe tạng... bốn vị, là Lạc vị chỉ nghe tạng giáo, sinh tô là chuyển Tạng thành Thông, Bát-nhã có nghĩa thành Biệt, Pháp hoa khai hiển tất cả hay Viên. Từ Tiểu đến Đại nên gọi là Tiệm, Đại. Tiệm sau rồi Đại nên gọi là Tiệm, Đại. “Đây như...” là chứng thành. Trống độc, là Đại kinh quyển chín nói: Ví như có người lấy đủ thứ độc thoa vào trống, rồi ở giữa chúng mà đánh, tuy không có tâm muốn nghe nhưng nghe thì đều chết, chỉ trừ người không hoại tử (chết bất đắc kỳ tử). Kinh này cũng thế, là ở trong chúng các hạnh nếu có người nghe, bao nhiêu ba cõi đều mất hết, tuy không tâm nghĩ nhớ nhưng do sức kinh ấy hay diệt hết phiền não. Kẻ phạm trọng cấm hoặc tội ngũ nghịch khi nghe rồi cũng làm nhân duyên Bồ-đề, dần dần đoạn trừ phiền não. Trừ không hoại tử và bọn Nhất-xiển-đề.

“Nay đây...” là kết bày. Tín pháp..., tức ở trong hội này ba giáo là Đại, tạng giáo là Tiểu. Trải các vị trước đến đây gọi là Tiệm. Mới vào hội này tức học Viên giáo gọi là Đốn. Phần liệu giản, hỏi, đáp. Ngài Kinh Khê nói: Mộc-xoa là giới, niệm xứ là thừa. Đây là nói pháp hành. “Hựu phó...” là tín hành. c, Dẫn chứng, giải thích, Chánh giải lời hỏi. “tuy lại...” là luận hơn kém, Đối luận hơn kém. “Nên nói...” là song chứng giải thích thành, Song chứng dẫn chứng bằng nguyện văn của

Lương Võ Đế. Câu đầu chứng giới chậm thừa gấp, câu kế chứng giới gấp thừa chậm.

“Điều-đạt...” là giải thích thành. Ác nghiệp đến địa ngục, là cùng vua Xà-thế tạo tội ngũ nghịch. Điều-đạt đang ở trên đất thành Vương xá bỗng nhiên nứt ra mà rơi vào địa ngục. Như Đại luận quyển mười bảy đã nói rộng. Ngài Kinh Khê nói: Do vì tạo tội nghịch tuy hiện đời bị đọa vào khổ, nhưng khi chưa tạo tội ngũ nghịch thì giống đã định sẵn rồi. Tiên Lam-phát sinh lên trời do không thừa giống, nên phước hết rồi thì đọa vào khổ. Nếu thế thì Điều-đạt còn mới được là thừa chủng sao cần phải có hai mươi pháp từ trước đến nay.

Đáp: Điều-đạt khi chưa tạo tội nghịch đã được Noãn pháp, còn không cùng hưởng hai mươi mà trừ định, sao được bỏ đi, lại lấy Điều-đạt mà so sánh. Nếu không sợ bị đọa khổ thì cứ mặc tình làm như Điều-đạt, sao cần phải luận thừa giới bốn trường hợp. Hướng là giáo môn dẫn tội ngũ nghịch để khuyên gắng mà từ chối ư? Vì nghĩa này nên phải khéo chọn ý. “Mất đầu...” là Đại luận quyển mười chín nói: Được Phi tướng định có năm thần thông, ngày ngày bay vào cung vua ăn uống, phu nhân lay dưới chân, do đụng chân nên dục phát mà mất thần thông, bèn tìm xe trở về núi cũ. Lại tu năm thần thông, nhưng bị rừng ao chim cá gây ồn ào, nên ông phát ác thệ là ăn nuốt hết. Sau được định như lúc đầu sinh vào Phi tướng xứ, do lời thề xưa lôi kéo nên khi hết tuổi thọ ở Phi tướng bèn đọa làm thân chồn bay. Luận Bà-sa nói: Thân chồn bay rộng năm mươi do-tuần, giết hại chúng sinh Không ai thoát khỏi.

Ứng tích đồng phạm phu, là hiện thân quả báo ở hai mươi lăm hữu. Hai mươi lăm Tam-muội, là phẩm Thánh Hạnh trong Đại kinh có nói: Bồ-tát trụ ở địa Vô úy được hai mươi lăm Tam-muội, phá hoại hai mươi lăm hữu. Vô cấu phá địa ngục, Bất thoái phá súc sinh, Tâm lạc phá ngạ quỷ, Hoan hỷ phá Tu-la. Nhật Quang phá Phát-bà-đề. Nguyệt Quang phá Câu-gia-ni. Nhiệt Viêm phá Uất-đơn-việt. Như Huyền phá Diêm-phù-đề. Tất cả pháp bất động phá Tứ Thiên vương, Nan Phục phá trời Tam thập tam. Duyệt Ý phá Diêm-ma. Thanh Sắc phá Đâu-suất. Huỳnh sắc phá Hóa lạc. Xích Sắc phá Tha hóa. Bạch Sắc phá Sơ thiên, các thứ Đại Phạm cùng phá Nhị thiên, Sấm sét phá Tam thiên. Mưa rào phá Tứ thiên, Như Hư Không phá trời Vô tưởng, gương chiếu phá Tịnh cư, Vô Ngại phá Không xứ, Thường phá Thức xứ, Lạc phá Bất dụng xứ, Ngã phá Phi phi tướng... Rộng giải nghĩa như Pháp hoa hạnh diệu. Hai mươi lăm hữu là bốn châu, bốn ác thú, Vô tưởng và Na-hàm, Lục Dục cùng Phạm thiên, Tứ thiên, Tứ không xứ. “Nhận bốn ác...” là

dùng Vô cấu Tam-muội mà hiện thân địa ngục. Dùng Bất thoái Tam-muội hiện thân súc sinh. Dùng Tâm lạc Tam-muội hiện thân ngạ quỷ. Dùng Hoan hỷ Tam-muội hiện thân Tu-la. “Kế trụ...” là dùng bốn Tam-muội mà hiện thân người, tức như huyễn, Nhật Quang, Nguyệt Quang, Nhật Viêm, như sau đó đối Nam, Đông, Tây, Bắc bốn châu. Còn mười bảy Tam-muội kia đều hiện thân trời, nên nói thọ thân nhân thiên. Song đây đều do phần chứng nhất tâm ba Đế, nên hay tùy loại mà hiện hình. Phá hữu để ích vật, nên biết hai mươi lăm chủng đều là khác tên với Trung đạo vương Tam-muội. Tiếp nói quán tâm thọ những thân nào cho đến những pháp nào?

Nếu người trì cấm giới nương Hoa nghiêm mà tu quán thì ở vị lai sẽ thọ thân nhân thiên, gặp Phật Di-lặc nghe Đốn giáo đắc đạo. Nếu người không trì giới mà nương Hoa Nghiêm tu quán, thì sẽ thọ thân bốn Thú, gặp Di-lặc nghe Đốn giáo mà đắc đạo. Nương vào Tiệm mà tu Quán gieo trồng bốn vị dưới, so điều nói này có thể biết. Cho đến ngang ước bốn giáo, dọc trải năm vị thì gồm chung mà nói ra.

Không thấy không nghe, tức là người thừa chậm và đều chậm thì không thấy Di-lặc, không được nghe pháp. Được vào đạo tức là người thừa gấp và đều gấp. Không được vào đạo tức là người thừa chậm và đều chậm. Được mất khá biết, tức là tự xét tâm mình ở vị lai như gương soi.

Tiếp nói hóa tha, nêu văn, có hai: a, Phân liệu. b, Tùy giải thích, Chúng Phạm thiên. Trong văn trước nói thật hạnh, kế nói ứng tích. Đây nói là ly, tức là đã lìa hết dục nhiễm. Hoặc nói tịnh hạnh, là lìa nhiễm cho nên tịnh. Trụ Sơ thiên trung gian tức là Trung gian thiên, là ở giữa hai mức Sơ thiên và Nhị thiên. Phạm vương được thứ thiên này. Cho nên Tỳ-đàm chí đều có Phạm vương dẫn kinh luận nói khác. Nay gọi là chí nên làm vua ở thế tục. Nay Đại sư dung hòa hai văn.

“Nếu ứng tích...” thì sắc trắng hiện thân ở Sơ thiên, chủng chủng hiện thân ở Phạm vương. Cho nên sinh ở Sơ thiên, là vì Sơ thiên có ba trời, Phạm vương ở trong đó, vì làm chúa lĩnh nên riêng lắm có một hữu. Nhìn bài Tựa Pháp hoa... là lời Tựa ấy nói: Làm chủ Ta-bà thế giới là Phạm Thiên vương và Thi-khí Đại phạm, Quang Minh Đại phạm... thì Thế chủ là vua Sơ thiên, Thi-khí là vua Nhị thiên, Quang Minh là vua Tam thiên và cùng làm vua Tứ thiên. “Sở ngôn...” là Pháp hoa nêu ba tên nên chữ “v.v...” chỉ ở Tứ thiên. Nay chỉ nêu hai tên thì chữ... “đẳng” phải ở Tam và Tứ thiên. Hoặc nói Phạm Thiên vương ở đâu có thể là nêu chung hư vị, còn Thi-khí là chỉ cho một người riêng biệt. Pháp hoa

cũng thế. Cho nên Pháp hoa Sơ nói kinh nói tên Phạm vương lại nêu Thi-khí tưởng như hai người. Nhưng dựa theo Đại luận thì chính dùng Thi-khí làm vua. Nay lại nêu rõ tên và nói ngôi vị có lẽ là chỉ cho một người. Nếu muốn phối hợp Tứ thiên thì phải theo lời giải của Sơ. “Ứng Tích...” là trụ ở Sang Tam-muội mà hiện thân Nhị thiên, Lô Âm thì hiện thân Tam thiên, Chu vũ “mưa rào) thì hiện thân Tứ thiên. Các cõi trên ở trên không... ngài Kinh Khê nói: Sơ thiên bao trùm một tứ thiên hạ và núi Thiết vi, Nhị thừa che trùm một tiểu thiên, Tam thiên che trùm một trung thiên, Tứ thiên che trùm một đại thiên, đều là lấy dưới mà định trên. Tóm tắt mà biết nơi chốn không đồng, vì ở trên không không thể định.

Giải thích Trời, Chánh giải thích hiện văn. Dịch là người có khả năng tạo tác “đấng sáng tạo), chính nói Thích-ca Nhân-đà-la, Hán dịch là Năng Chủ, nói là chúa Trời có thể tạo.

“Hỏi thảng...” là thông trước giải nghi. Ý hỏi; ngài Kinh Khê nói: Vì sao đối với Sắc chỉ nêu Sơ thiên, Dục giới chỉ nêu Đạo Lợi. Đàm-việt, Hán dịch là Thí chủ.

Tám Bộ chúng, Xét hiện văn giải thích nghĩa, nêu bày. “Đại...” là chánh giải thích. Đại oai lực xuyên suốt tám bộ, dẫn đầu là chư Thiên, sau cùng là Ma-hầu La-già tất cả đều có oai lực. Các văn khác đều nói tám Bộ : Bốn vua mỗi vị thống lãnh hai Bộ là tám: Đông phương có hai là Càn-thát-bà và Phú-đơn-na. Nam phương có hai là Cưu-bàn-trà và Bế-lê-đa. Tây phương có hai là Tỳ-xá-xà và Độc long. Bắc phương có hai là Dạ-xoa và La-sát. Nay kinh nói tám Bộ cùng đây không đồng, nên nói phần nhiều có liên quan. “Văn trên...” là giải thích tám Bộ, có tám: Chư Thiên, Chánh giải thích, Giải thích đến: Năm trời Na-hàm là: Trời Vô phiến. Trời Vô nhiệt. Trời Thiện kiến. Trời Thiện hiện. Trời Sắc cứu cánh, đây gọi là trời Ngũ tịnh cư, đều là quả thứ ba đến ở. Chọn không trở lại, trời Vô tướng tức trời thứ mười ba của cõi Sắc. Ngoại đạo tu thiên này, là thọ sinh. “Thử đẳng...” là tổng kết.

Giải thích về Rồng. Triệu sư nói: Rồng có hai thứ: Rồng ở đất và rồng ở hư không. Giống này có bốn cách sinh. Ngài Tăng Hộ Tỳ-kheo vì bốn rồng nói pháp, là trao cho bốn con Long vương bốn kinh A-hàm. Có loài nhìn thấy độc thì nhắm mắt mà nhận kinh, có loài hà hơi độc thì ngậm miệng mà nhận kinh, có loài rờ chạm độc thì đứng xa mà nhận kinh, có loài có khí độc thì xây lưng mà nhận kinh. Sư trách họ thất lễ. Họ đáp vì nhìn thấy thì giết người, cho đến có khí độc giết người nên phải nhắm mắt.. Rồng như kinh Tăng Hộ.

Giải thích thân Dạ-xoa. Ngài La-thập và Triệu sư đều lấy chữ Thần làm một loại khác loài Dạ-xoa. Triệu Sư nói: Thần chịu báo thiện ác lộn xộn, có hình thể hơn người nhưng kém trời, thân nhẹ mỏng khó thấy. Nay văn đã nói đều thuộc quý đạo, nghiệm thì biết, vì Thần tự làm một loại. Trong văn giải thích Dạ-xoa trước nói chịu báo, kể nói tu nhân. Văn sau đều như thế. Làm kẻ sai khiến cho trời. Triệu sư nói: Thiên Dạ-xoa ở dưới hai: Trời giữ cổng trời. “hủy giới...” là nói tu nhân. Thí ngựa xe..., ngài La-thập nói: Địa Dạ-xoa chỉ dùng tài thí nên không thể bay lên trên không. Thiên Dạ-xoa vì cho ngựa xe nên hay bay đi.

Giải thích Càn-thất-bà: Bay vọt đứng trên không. Mười núi báu là:

1. Tuyết.
2. Hương.
3. Kha-lê-la.
4. Tiên Thánh.
5. Do-càn-đà.
6. Mã Nhĩ.
7. Ni-dân-đà.
8. Chiết-ca-la.
9. Túc tuệ.
10. Tu-di.

Giải thích A-tu-la, nên nói không rượu, tức nghiệp lực của cá rồng thì nước biển không biến không đổi được giận ghét tất đổ , vì thể đoạn bỏ nên gọi không rượu.

Tiếp giải thích Ca-lâu-la, giải thích khẩn-na-la.

Giải thích Ma-hầu-la-già, bố thí ít, cũng là ít làm việc bố thí.

“Trước nay...” là căn cứ hứa mà kết bày.

Bốn Bộ chúng có hai: a) Dựa vào thật hạnh mà giải thích, có hai:

a) Chánh giải thích: Đây chưa thể dùng nhất định, ngài Kinh Khê nói: Dựa vào các văn kinh khác chỉ nói: Gần Phật mà được tên Thiện Túc. Không thể định rằng: Nam nữ không được cùng trọ ngủ qua đêm. Niết-bàn Số lấy một ngày một đêm để thọ Bát giới gọi là Thiện Túc.

“Hỏi bốn...” là giải nghi. Tố là mặc đồ màu trắng vậy. Ở Tây vực có tục lệ ưa chuộng mặc màu trắng.

“Bồ-tát...” là dựa vào quyền hạnh mà giải thích.

Tiếp nói tựa riêng, có hai: a, Nêu ý phân chương, có hai: “phát...” là tùy văn mà giải nghĩa, có hai: Phát khởi tựa, có hai: Huyền luận ý nghĩa, có hai: Chánh nêu biểu phát, có hai: Nêu chung. “nhất hiện...” là

nêu riêng. Ngài Kinh Khê nói trong văn đã biểu thị đầy đủ về ba Chánh báo và ba y báo. Tuy biểu thị cả hai, nhưng ý chánh là nói về y báo. Nếu căn cứ theo ý này, là vì khi nói kinh Phổ Tập thì thân tướng Phật đã cao quý rồi, chỉ chưa luận về cõi cao quý. Nay ở thân tôn quý lại thêm việc hợp lọng là biểu thị nói về các cõi.

Hỏi: Bảo Tích đến lúc nào?

Đáp: Chuẩn theo văn kinh này giống như phần cuối của Kinh Phổ Tập, do đâu mà biết? kinh nói: Bấy giờ ở thành Tỳ-da-ly có Trưởng giả... cho đến hợp thành một lọng lớn. Văn này đã không nói nghe kinh, chỉ nói là đem lọng đến cúng dường, nghiệm ra thì biết chỉ là phần cuối ở kinh Phổ Tập có nói “Lúc bấy giờ” vậy. Căn cứ vào lời khen về pháp Thắng Ứng rằng: Nói pháp chẳng có cũng chẳng Không... giống như nghe pháp. Ngại gì trước đó đã từng nghe Thắng pháp. Vì không nói nghe kinh Phổ Tập nên chỉ là đến đây mới thấy Phật Thắng Ứng. Ước thân mà định pháp đối lý không ngại gì.

Liệu giản, giải nghi, Xét hiện thân, có hai: Hỏi và Đáp, Dẫn Đại phẩm mà nói đồng. b) Dẫn Pháp hoa nói đồng, chánh dẫn, nói rộng: Ở tại một thành, kinh nói bèn đến thành nơi cha ở. Thành tức là Niết-bàn. Chúng sinh khi đã giải hết các tập thì có nghĩa có thể được Niết-bàn nên nói là đến thành. Oai đức đặc tôn, tức là tướng hảo cao lớn vọi vọi hình dáng Xá-na. Cùng tử kinh sợ lánh mặt, tức là không xứng cơ, không chịu giáo pháp Đại thừa. Liên cỏi chuỗi Anh lạc là dụ việc ẩn dấu thân Xá-na vô lượng công đức, mặc áo xấu, là dụ hiện thân trượng sáu. Định nói giáo tam tạng, tức như ông Trưởng giả cầm đồ hốt phân cùng Cùng tử làm việc. Tâm tướng thể tín, là đã thân chứng Tiểu thừa thì tin Đại thừa là không hư dối, mà được tiền lương Niết-bàn, cho nên thể tích không giận ghét. Ở trong nhà, là vô duyên đại Từ dụ cho nhà cửa. Gia nghiệp, tức là giới, định, tuệ Đại thừa. Tập họp các quốc vương đại thần, tức các kinh Tiệm Đốn đều khế hợp chỗ giảng nói, đều là kinh vua, thường hợp cơ lợi vật, thịnh suy có lúc, các bộ không đồng nhau gọi là nước. Đều nói Đệ nhất tức là vua nước ấy. Pháp hoa hội thông các giáo, há không phải là tập họp các quốc vương. Di-lặc... các Đại Bồ-tát đều là bậc Đẳng giác tức quan đại thần. Định thiên tánh cha con, tức kinh nói rằng: “Đây thật là con ta, ta thật là cha nó”. Chúng sinh và Phật lý đồng, như cha con tánh trời có liên hệ nhau. Ngài Kinh Khê nói: Dẫn kinh Pháp hoa dẫn đủ năm thời, là hoàn toàn mượn ý Pháp hoa mà nói. Bộ này là thời thứ ba trong năm bộ. Nếu không dẫn đủ sao biết xa gần. b, “xưa thấy...” là kết bày. Xưa thấy ở xa mà lánh đi, Tiệm sư nói:

Cả bốn thời đều hiện thân tôn quý đặc biệt, nên không nói về pháp ở Lộc uyển. “Phương này...” là kết đồng. Chọn biểu phát, Xét biểu thị pháp thân, Hỏi và Đáp, dẫn hai kinh. Ứng hiện ất biểu thị nói pháp, vì ứng tức là pháp. b, Xét biểu thị cõi Tịch quang, có hai: a”, Chánh xét biểu thị cõi Tịch quang, Ý hỏi: Lấy thân biểu thị cho thân thì nghĩa có thể được. Còn lấy thân mà biểu thị cho cõi thì nghĩa hình như trái nhau. Đáp: Nói cõi là tông chính của kinh, trước đã nói hiện thân cõi Phật đâu chẳng biểu thị ư?

“Pháp thân...” là hiển bày thân và cõi không hai, vì y chánh không hai, nên liền hiện thân, tức biểu thị cho cõi nước. Là thân không có cõi nước, ngài Kinh Khê nói đây là pháp thân nhưng vẫn nói thân và độ không hai. Văn trong các bộ tuy có ý này nhưng không có lời văn rõ ràng, nếu không có văn này thì lấy gì để nêu các Bộ là khác xa. Xin xem văn của Sớ và ý ngài Kinh Khê. Vô tình thành Phật đâu còn nghi gì? Hơn nữa lia thân thì không có cõi, lia cõi thì không có thân, cho nên khi thân thành thì cõi thành. Vì ngoài tâm không có cảnh, nên sâu sắc suy lường. Cho nên Kim Bài có nói: Một Phật thành đạo thì cả pháp giới không nơi nào không phải là y chánh của Phật. Một Phật đã thế thì chư Phật cũng vậy. Chúng sinh tự mình đối với y chánh của Phật mà thấy khác, nên lại hỏi: Khi Phật thành đạo thì độ cũng thành chăng? Thành thì rộng hay hẹp, không thành có lỗi chăng?

“Chân như...” là giải thích cả nghĩa trên. Chân như thật tướng chỉ là tên khác của tâm tánh. Cảnh và trí ai phân, thân và độ đâu khác, không gì ngoài tâm tánh, nhiếp thuộc khắp tất cả. Đã chỉ một tâm đâu lại có năng sở. Nên khiến cảnh, trí, thân, độ bốn thứ đều không phải. Song trọn ngày mà cùng không phải thì chưa hẳn đã cùng trái, thế là trí cảnh, thân độ rõ ràng tự khác. Cho nên nói cảnh trí cho đến thân độ tuy nói là tự khác nhưng nguyên thể vẫn không hai. Nên nay biểu thị thân tức là biểu thị độ. Nên nói đã biểu thị thân... kẻ học Phật thừa mà còn mê ý chỉ này thì uổng phí thời gian, muốn chứng được vô sinh thì ta không tin là được. Xe Bắc đến đất Việt hà chẳng mê sao? Cho nên “Kim...” là dẫn chứng không hai. Duy thức, thì Duy là ngăn ngoại cảnh, thức là biểu thị nội tâm. Duy chỉ là tâm, lại không ngoài trần nên nói là Duy thức. Chư Phật tu tập vô phân biệt trí thông đạt mà chỉ biết cái tánh chân thật, nên nói trí tập duy thức thông, lấy chánh trí khế hợp với chân như không có hình tướng thì gọi là trang nghiêm. Cho nên nói không phải trang nghiêm mà trang nghiêm, nghĩa không phải là sự nghiêm mà lý nghiêm.

“Kinh này...” là dẫn văn kinh để kết: Xét tâm mê Tịnh thì Cõi Phật tịnh, thì tâm tức là cõi, do đó tâm tịnh tức là cõi tịnh. “nhưng biểu...” là thể tuy không hai nhưng biểu thị phát ra thì tự chia, chỉ là do chúng sinh mê chấp ngộ có riêng khác, nên biểu thị thân biểu thị độ để mở mang. Nay riêng biểu thị độ ý chỉ đã rõ ràng. Gồm lựa chọn báo ứng độ, chỉ là do ba thân tướng tức bốn cõi không hai, thân và độ một thể, năng sở không khác. Cho nên khiến ba thân bốn cõi đều cùng phát hiện. Nay tuy mỗi thứ luận ra, nhưng cần hiểu là lý đồng. Văn gồm hỏi và Đáp. Dẫn chứng, giải thích Tùy văn chánh giải nghĩa: Phán xét chung riêng. “xưa nói...” tùy văn giải nghĩa, Như Lai hiện thân: Phật nói pháp. Những thứ này chung nhiếp tất cả chúng, nghĩa là các nhà giải thích hoặc lấy tại gia và xuất gia mỗi loại hai chúng nam nữ thành bốn chúng, hoặc lấy trời, người, rồng, quỷ làm bốn chúng. Nay lấy bốn chúng, lần lượt kể đủ mỗi thứ có bốn. Nên nêu bốn thứ này để gồm nhiếp số đồng. Chỗ ông ấy nói bốn thứ này đều lỗi. Nay có bốn. Thượng Thống Sư, tức là Sư Pháp Thượng. Nhà Bắc Tề sắc phong làm Chiêu Huyền Thống, nên gọi là Thượng Thống. “Lệ như...”: Ngài Kinh Khê nói: Đó do đây khai nên hợp, đây là nói do chánh mà có y, ý khai mà Bốn hợp, y chánh không khác không hai mà hai, vì vật nên phải thế. Thí dụ để làm sáng tỏ. Cùng thật tướng đẳng, tức là ba đức tốt hiển ở đẳng phân chân. Bán trí, trí là đứng, thương minh là biển. Phật không trụ sinh tử cũng không bỏ sinh tử, là vì khác phàm nên không trụ, khác Nhị thừa nên không bỏ. Vì tự hành nên không trụ, vì hóa tha nên không bỏ. Vì Đại trí nên không trụ, vì đại Bi nên không bỏ. Vì sinh tử tức Niết-bàn nên không trụ, vì Niết-bàn tức sinh tử nên không bỏ. Phàm bốn thứ này mà giải thích tức là hiển sáng đức của Phật.

Như nước biển không phải bốn sắc, là Tỳ-đàm Câu-xá đều nói: Núi Diệu cao “Tu-di) bốn mặt, mỗi mặt đều có một sắc. Mặt Đông thì sắc vàng ròng, mặt Nam thì sắc lưu ly, mặt Tây thì sắc trắng bạc, mặt Bắc thì sắc pha lê. Tùy mặt ở mỗi phương mà nước đồng với sắc của núi. Chúng sinh ở trong ấy đều đồng với sắc nước. Tâm không phải bốn môn, là vọng tâm ba hoặc không phải là bốn môn chánh giải thoát, nên nói là tâm không phải bốn môn. Cho nên dưới có nói: Mà nói bốn môn khiến tâm mất tâm. Cho nên biết không được dùng chân tánh để giải nghĩa tâm này. Lại không phải khác, là như biển đồng với sắc núi.

Tiếp hợp dụ, ấy là vạn thiện vô úy không tòa, vạn thiện tức là quả trên Tam thiên theo lý tục đế, vô úy tức là bất tư nghì không theo lý chân đế. Vạn thiện tức là vô úy không như các báu làm tòa sư tử, đây

tức là quả trí đã khế hợp, lý chân tục không hai.

Hỏi: Chư Phật không đoạn tánh ác, thì quả trên tam thiên cửu giới không giảm, sao gọi là lý vạn thiện?

Đáp: Tu ác hết rồi chỉ còn tánh ác, ác này tức là thiện. Như nói gương sáng tánh đầy đủ hình ảnh xấu, đâu khiến sáng cũng xấu ư?

Thân tướng vôi vọi, là tướng cao lớn vôi vọi, dụ cho quả trí vượt ngoài phân chân.

Phần Trưởng giả dâng lọng: Phân chương đoán bày, “Hiển năm...” là đoán bàn biểu thị Báo, Nêu chương biểu thị. Chương đầu biểu thị cõi của pháp báo thân. Kế, “nhưng đối...” là nói chương hai, biểu thị cõi Ứng Phật thân. “Đại chúng...” là nói chương ba, biểu thị nghe ba thân bốn cõi y chánh không hai, mà ngộ đạo được pháp hỷ vậy.

Văn đầu nói: Từ trong nhân mà hồi hướng Phật quả thành vô duyên Từ, tức là hồi chân nhân mà hướng cực quả. Viên Báo pháp thân, thì báo thân tức là quả, trí pháp thân tức là quả lý. Thành y báo tịnh quốc, tức chỗ nương của pháp báo rốt ráo Tịch quang. Cũng hồi nhân hướng quả nên nói là thành. Biểu thị ứng độ, tức là ba cõi vậy. Ứng Phật Hóa Chủ, tức ở ba cõi đều gọi là ứng Phật. Báo tha thọ dụng tức là Thắng ứng. “Cho nên biết...” là kết làm nguyên do của bài tựa.

“Một trường...” là tùy văn giải nghĩa, Nguyên do phát biểu, Phân khoa. Tùy giải thích, Cùng đồng loại đều ở. Hoa Nghiêm nói: Đến tất cả ma đều ước viên mà giải thích nghĩa.

Tàm quý là hào sâu: Tàm đối với trời Đệ nhất nghĩa, quý là đối với người Thánh hiền. Bốn đạo, là Viên bốn môn. Ba cõi tức là phần đoạn, biến dịch hai thứ ba cõi. Mà tánh nương nhân quả, Phổ Hiền Quán có nói: Nhân Đại thừa là các pháp thật tướng. Quả Đại thừa, cũng là thật tướng. Năm thứ chủng tánh, ngài Kinh Khê nói đó là Tập chủng tánh, Đạo chủng tánh, Tánh chủng tánh, Thánh chủng tánh, Đẳng giác tánh. Mỗi tánh có trăm thứ đều dùng thập thiện để cùng trang nghiêm. Thập thiện là gốc các thiện, nên thông cả cạn sâu.

Kiến kính. Dâng lọng. Hợp lọng hiện cõi: Phân khoa, tùy giải thích: Hợp lọng. Hiện tướng, Phân khoa chung riêng. Tùy văn giải thích: Hiện cõi nước, có bốn: 1] Hiện cõi nước rộng dài. 2] Hiện mười núi, có lẽ là biểu thị chúng sinh thế gian, vì mười núi là biểu thị cho mười giới. 3] Hiện các sông và biển lớn, có lẽ là biểu thị năm ấm thế gian, vì năm nước là biểu thị năm ấm. Nói năm nước thì:

1. Biển.
2. Sông lớn.

3. Sông nhỏ.
4. Sông nhánh.
5. Suối nguồn.

- Hiện nhật nguyệt và Thiên cung, hoặc là biểu hiện cho khí thế gian. Ngài Kinh Khê nói: Song ở văn trước đã biểu thị y độ, y độ tức là khí thế gian, cho nên biết, trong đây chỉ biểu thị y trong tiểu thế gian mà thôi. Tức như lệ vào một núi một châu. Nay nói Nhật nguyệt tinh cung đều như trước đã hiện tướng rộng dài trong tiểu thế gian. Chỗ nương của chúng sinh năm ấm, bốn thế gian này có hai thứ là sở y, tức y báo và khí; hai là năng y tức chúng sinh năm ấm. Vì lấy năm ấm để thành chúng sinh nên đây tức là thân chánh báo. Sao được biểu thị tình? Nghĩa mười núi năm nước đều là vô tình, sao được biểu thị cho chúng sinh năm ấm là hữu tình ư?

Đáp ý: Đại thừa đã luận về y chánh không hai, thì biểu hiện cho nhau nào hại gì. Cho nên Đại thừa hiện tướng đều như đây cả.

Hiện chư Phật nói pháp, ắt có năng y, tức có nước, tức có người. Đại chúng hoan hỷ. Ba luân bất tư nghì hóa, tức là thân thông, miệng nói, ý soi, không mưu tính mà hóa gọi là Bất tư nghì.

Bày kể khen, có hai: a, Nói ý phân khoa, có hai: a', Nói ý có tựa. Ngài Kinh Khê nói: Thần trí cao minh, là ngôi vị tột cùng nên là cao, vì cao nên sáng. Nếu chuẩn theo văn kinh thì cả năm trăm người đều không ghét nhau đâu lại không cùng theo đến. Nếu không phải sắp được ngôi vị thì từ thấp đến thấp thỉnh nói nhưng vẫn là năm trăm người ấy đều đã phát tâm, đến văn sau được đạo mới nói là được nhẫn. Căn cứ vào đây thì hình như năm trăm vị chưa đồng ngôi vị với ngài Bảo Tích. Dù cho thuật lại việc của mình ở trong số năm trăm vị thì Bảo Tích há có thể cùng họ hoàn toàn giống nhau hướng ngoài số trên còn có người cần có Bốn, đâu biết Bản vị, nên không lường được ngài Tịnh Danh. Cho nên nay bèn dùng cao minh mà khen chung. Nếu không cao thì sao biết được đầu mối của chỗ biểu thị hiện ra vì nghĩ định đến tướng tịnh thân tịnh độ. Người trí biết trí, cho nên hay ngầm hợp với tình ngài Tịnh Danh. Đã hiểu rõ Tịnh Danh nên cũng có thể nương vào mong cầu ở trí Phật.

“Đến ba...” là chia văn kinh, Phân kinh: Kể khen nguyên do đến. Ngài Kinh Khê nói: Lấy thuật mà khen nên nói là thuật khen. Đã hiện hai thân tất nương hai cõi. Nên thuật hai ứng đều được làm nguyên do, nên nói thuật khen.

“Ngôn thẳng...” là nêu nghĩa, Nêu nghĩa thân hơn kém. Tìm ứng

thân này... ngài Kinh Khê nói: Trong thẳng ứng riêng nêu pháp thân, mà văn chỉ nói: Tìm ứng được pháp mà chưa nói ứng thân tức pháp thân, là vì còn mang phương tiện liệt ứng thân. Cho nên lại dùng sắc tướng liệt ứng, vì liệt cho nên không thể tìm thấy pháp thân. Diệt sắc tức sắc mới có thể thấy được hưởng lại tức sắc biểu hiện lại thông. Nên Pháp hoa nói: Đẳng, tuy dẫn kinh ấy nhưng có ba ý:

1. Lấy liệt làm nguyên do.
2. Lấy thẳng chê liệt.
3. Dẫn Tiểu về Đại.

Nói đằm trước giải thoát không ở giáo này. Đây bèn nói thẳng là dùng thân tướng cát bụi nên có chỗ sợ mà thôi. Hiện có phiền não như cát bụi dính thân mà thị hiện đồng với những người ham sống sợ chết.

“Hỏi...” là nêu gần xa hai nguyên do, có hai: a, Cùng giải thích hai nguyên do. Ngài Kinh Khê nói: Hỏi đáp trong đây, thì một là mượn ý Pháp hoa, b, gần dùng văn bộ kinh này. Nếu xưa tất không nói tiếng nguyên do, ở thời này thì mới có thể dùng tiếng ấy. “hỏi ba...” là kể lại nghĩa xa. Hai mươi năm, thì tám nhãn làm một, tám trí làm một, cùng chín vô ngại và chín giải thoát. Hốt phân, là đoạn bỏ kiến tư.

“Đến gần...” là tùy văn giải nghĩa. Nay ngài Bảo Tích nói kệ thì đối mười hai bộ tức là phân Cô khởi. Hoặc có người bảo: Sở nói: Trước nói nguyên do, sau kể khen thì giống như Trùng tụng, là sai. Phàm Trùng tụng thì trước nói “Văn xuôi) xong rồi, sau mới dùng kệ tụng mà nói lại, cho nên có tên đó. Trong đây ngài Bảo Tích chưa lên tiếng, chỉ một mình tự nói Kệ, tự thuật, đâu phải dùng Trùng tụng ư? : Trước là kể khen nguyên do sự biểu hiện, có hai: a, Kể khen thẳng ứng pháp thân là nguyên do gần, Phân khoa đoán trước. Do đâu mà được biết... ngài Kinh Khê nói: Kinh chưa nói đến chỉ lấy tướng hiện ra mà nghiệm biết, hưởng lại là có văn khen kém. Thân cao quý thì pháp cao quý, thân kém thì pháp kém.

